



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 075409

VEWL.#: \_\_\_\_\_

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH BUI KHUONG  
Last Middle First

Current Address: 59/26/134 Huỳnh Tấn Phát Quận 3 HCM city

Date of Birth: Jan 7 - 1935 Place of Birth: TAM BINH MY THO VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) MAJOR  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From APR 25 To MAY 1 - 81  
Years: 5 Months: 6 Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
Name  
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| <u>HUYNH VAN VIEN</u>                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| <u>OK HUYNH THI THU</u>                     | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| HUYNH THI XUAN                           | 9-17-1943     | wife.               |
| HUYNH BUI BICH CHAU                      | 9-22-69       | DAUGHTER            |
| HUYNH BUI BICH VAN                       | 1-21-72       | "                   |
| HUYNH BUI BICH QUYEN                     | 3-31-82       | "                   |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ODP. Prog - HUỖNH THỊ XUÂN.  
IV - 75409

Sponsor: HUỖNH VĂN VIÊN

Vol. Agency: USCE/SOW, Ga.  
USCE Reference N° 65048.

or: HUỖNH THỊ THU



HUỖNH THỊ XUÂN (Viên's sister)  
DOB: Sept. 17. 1943.  
Birth place: Saigon, V.N.



HUỖNH BỬU KHUÔNG  
DOB: Jan. 07. 35.  
Birth place: Tam Bình,  
Mỹ Tho, V.N.  
Mr. KHUÔNG was in Re-  
education camps from  
April 175 to 1-5-81  
He was released in 1-5-81  
(5 years and 6 mos)  
in camps.



HUỖNH BỬU BÍCH QUYÊN  
DOB: March. 31-82.  
Birth place: Saigon VN.

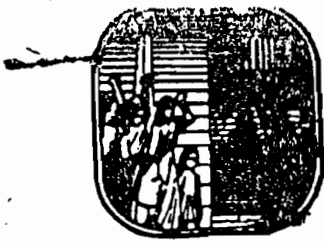


HUỖNH BỬU  
BÍCH VÂN.  
DOB: Jan. 21-72  
Saigon, VN



HUỖNH BỬU  
BÍCH CHÂU  
DOB: Sept 22. 69  
Saigon, V.N.

Address in VN: 59/26/134. HUỖNH TỈNH CỬA  
Quận 3.  
HỒ CHÍ MINH City, VN.



# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-998-7850

### Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THO  
TRẦN KIM DUNG, MS  
NGUYỄN XUÂN LAN, MA  
TRẦN NGỌC DUNG, MA  
NGUYỄN QUỲNH CAO  
TRẦN THỊ PHƯƠNG  
HUỲNH KIM CHÌ  
DUƠNG MỸ LINH SOLANO  
MRS. LÊ VĂN HÙNG

### Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THO  
President  
TRẦN KIM DUNG, MS  
Vice-President  
NGUYỄN QUỲNH CAO  
Vice-President  
TRẦN NGỌC DUNG, MA  
Secretary General  
NGUYỄN XUÂN LAN, MA  
Deputy Secretary  
TRẦN THỊ PHƯƠNG  
Treasurer  
HUỲNH KIM CHÌ  
Deputy Treasurer

### Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

DUƠNG MỸ LINH SOLANO, Esq.

Ngày 24 tháng 8 năm 1985

Thưa Ông/Bà: *Huỳnh Thi Thu*

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam có nhận được thư và hồ-sơ của Ông/Bà xin đoàn-tụ gia-dình cho thân-nhân. Chúng tôi thành-thật cảm ơn Ông/Bà đã tỏ lòng tin-tưởng và hưởng-ứng hoạt-dộng của Hội trong công-tác nhân-dạo đã được thấy thân-nhân chúng ta sớm được đoàn-tụ với gia-dình.

Chúng tôi đang xúc tiến việc lập danh-sách của quý thân-nhân hiện còn bị giam cầm hay đã được tự-do và cũng gia-dình muốn rời Việt Nam theo chương trình Ra Đi Trật Tự (Orderly Departure Program) để nộp cho cơ-quan có thẩm-quyền hầu nguyên-vọng của Ông/Bà sớm được kết-quả tốt-đẹp. Trong trường-hợp Ông/Bà chưa lập hồ-sơ cho thân-nhân để được đoàn-tụ gia-dình, xin Ông/Bà điền chi-tiết lý-lịch trong các mẫu đính kèm và gửi đến chúng tôi. Đồng thời, chúng tôi cũng đề-nghị Ông/Bà tiếp-xúc với cơ-quan thiện-nguyên địa-phương để xúc-tiến thủ-tục lập hồ-sơ qua chương-trình Ra Đi Trật-Tự. Nếu Ông/Bà đã nộp đơn, xin Ông/Bà gửi đến Hội chúng tôi bản sao mẫu đơn nộp qua chương-trình này.

Vì lý-do Hội hoạt-dộng có tính-cách tự-nguyên, xin Ông/Bà mỗi khi gửi thư hay hồ-sơ đến Hội, vui lòng đính kèm một phong bì có dán tem để tiện việc phục đáp.

Tiện đây, Hội cũng gửi đến Ông/Bà bản sao bức thư của Tổng-Trưởng Ngoại-Giao Hoa-Kỳ đã gửi đến Hội về vấn-đề tù-nhân chính-trị và chương-trình Ra Đi Trật-Tự Đoàn-Tụ Gia-Đình.

Trân-trọng chào Ông/Bà.

*Re: Thiệu Tà Bui Văn Minh*

- Chuẩn úy Phạm Quốc Túy
- Thiệu tá Huỳnh Như Khương
- Thiệu tá Huỳnh Văn Vĩnh

Kính gửi,

*[Signature]*  
Bà Khúc Minh Tho  
Chủ Tịch

9-25-87  
(update).

HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI VIET-NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION  
5555 Columbia Pike, Suite D, Arlington, VA 22204  
\*\*\*\*\*

As Of: \_\_\_\_\_

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

| Order: | Prisoner's name,                                                                                 | Former         | Currently:                     | Former                           | Date of Application                                  | Name, address, and Tel. number |
|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 10.    | date of birth and address:                                                                       | rank/position: | detained                       | Prisoner                         | for Orderly Departure:                               | of Relative in the U.S.        |
| :      | :                                                                                                | :              | in prison:                     | in Vietnam:                      | (IV number, if any)                                  | :                              |
| :      | :                                                                                                | :              | Yes                            | No                               | Yes                                                  | No                             |
| :      | :                                                                                                | :              | :                              | :                                | How long                                             | :                              |
| 1      | HUỖNH BỬU KHUÔNG<br>59/26/134 Huỳnh -<br>Tân, Cu. Q. 3.<br>Hố Chí Minh City, VN                  | Major          | No                             | Yes.<br>From:<br>6/75 to<br>1/81 | IV 075409<br>USCC Agency<br>Case 65048               | MR. HUỖNH VĂN VIỄN             |
| 2      | HUỖNH VĂN VĨNH<br>Thủ Đức Re-educ. camp.<br>Phân trại K 2. Z30D.<br>Đội 6.<br>Hầm Tân, Thuận Hải | Major          | Yes<br>From 4/75<br>to Present |                                  | IV. 122635.<br>USCC Agency<br>Case 65048<br>2-12-84. | MR. HUỖNH VĂN VIỄN             |
|        |                                                                                                  |                |                                |                                  |                                                      |                                |
|        |                                                                                                  |                |                                |                                  |                                                      |                                |

Chi 763

**INTAKE FORM**  
**MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH**

**APPLICANT FOR ORDERLY DEPARTURE PROGRAM:**

NAME (TÊN) : HUYNH BUI KHUONG  
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : JAN- 07 - 35 . Tam Binh, My Tho, VIETNAM.  
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)  
SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Male Female (Nữ) :  
MARITAL STATUS : Single (Độc thân): Married (có lập gia đình)  
(Tình trạng gia đình):  
ADDRESS IN VIETNAM : 59/26/134 Huynh tinh Cua. Quan 3. HO CHI MINH City, V.N.  
(Địa chỉ tại VN)  
POLITICAL PRISONER {Có là Tư binh tại VN hay không}: Yes (Có) Yes No (Không)  
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : June-14-75 To (Đến) Jan-5-81  
PLACE OF RE-EDUCATION: Vinh Phu, North VIETNAM.  
CAMP (TRẠI TÙ )  
PROFESSION (Nghề Nghiệp): None  
EDUCATION IN U.S. :  
(DU HỌC TẠI MỸ)  
VN ARMY (Quân đội VN): Rank (Cấp Bậc): Major/Lawyer Coordinator of the Paris Agreement Center  
VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ): Lawyer Date (Năm):  
(Trong chính phủ VN)  
APPLICATION FOR O.D.P.: Yes (Có): Yes IV Number (số hồ sơ): 075409 No (Không)  
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo): 4 (Wife and 3 children)  
MAILING ADDRESS IN VN: 59/26/134 Huynh tinh Cua. Quan 3. HO CHI MINH City, V.N.  
(Địa chỉ liên lạc tại VN)  
NAME ADDRESS OF : Mr. HUYNH VAN VIEN  
SPONSOR/RELATIVE  
(Tên, Địa chỉ Thân nhân :  
hay Người Bảo Tró)  
U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ): Yes No (Không):  
RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN): Brother in law.  
NAME AND SIGNATURE : VIEN VAN HUYNH  
ADDRESS OF INFORMANT  
(Tên, Địa Chỉ, Chủ Ký, BT Mr. Huynh van Vien.  
của người điền đơn này)  
DATE :  
Month (Thang) Day (ngày) Year (năm)  
Sept-21-87.

APPLICATION FOR CLASSIFICATION AS REFUGEES

IV 075409  
ODP.

To : Mr DIRECTOR OF THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE  
BANJABHUM BUILDING  
127 SATHORN TAI ROAD  
BANGKOK 10120, THAILAND.

Subject: Request for immigration to the United States of America under  
the Orderly Departure Program.  
Reference: ODP IV No 075-409      Date : 05/01/1984

Dear Sir,

- 1- I, the undersigned HUYNH - BUU - KHUONG      2- Regimental number: \_\_\_\_\_
- 3-Date and country of birth: January 7th, 1935, Tam-Binh village, Mytho province,  
ce, South Vietnam.
- 4-Nationality: Vietnam      5-Religion: Cult of ancestors
- 6-Sex: Male ☒ Female ☐      7- Family status: Married
- 8-Home address: 59/26/134, Huynh-tinh-Cua, Quận 3, Thành phố Hồ-chí-Minh, Vietnam
- 9-Military education: Inter-Military school in Thủ-đức
- 10- Job title/Grade: Expert to the Coordination and Implementation of the Paris  
Agreement's Center. Major(RVNAF).(Serial number:55/104505)
- 11-Armed forces Branch of service: Administration Officer of the Military  
Medical(sĩ-quan hành-chánh quân-y), Officer of the military  
Property Office(sĩ-quan Quân-sản)
- 12-Unit: The Coordination and Implementation of the Paris Agreement's Center.
- 13-Place worked: Presidency of the Republic of Việt-Nam(Independence Palace)in  
Saigon.
- 14-Civilian education: French Baccalaureate, graduated from the law school of  
Saigon University, Lawyer to the Saigon's Court.
- 15-Civilian occupation: None
- 16-Travel/Education outside Vietnam: No
- 17- US closest relative: VIEN VAN, HUYNH, 211 Paradise Dr, Savannah GA 31406-  
USA.
- 18-US Acquaintance: KIM GIANG, LUONG, 2544SW 48th Oklahoma City, OK 73119, USA.
- 19-After April 30, 1975, spent in reeducation Five/years Six/months  
Released from reeducation Camp No 3 in Nghệ-Tĩnh on  
January 5th, 1981.
- 20-Reference: Release Decision No 58 on December 9th, 1980 of the Ministry of  
Home Affairs.

Due to the difficulty of my situation, and based on the authority of your organization and the spirit of the humanitarian act, I wish to request your assistance and your intervention with the Government of the Socialist Republic of Vietnam, in order that I and all my family's members may be authorized to leave Vietnam under your arrangement and protection through the ODP, and to immigrate to the United States of America for the purpose of seeking a new life.

Following is our full list:

| FULL NAME              | : Sex    | : Year of birth | : Married? | : Relationship | : Address           |
|------------------------|----------|-----------------|------------|----------------|---------------------|
| 1.-HUYNH-BUU-KHUONG    | : Male   | : 1935          | : Yes      | : Applicant    | : 59/26/134, Huynh  |
|                        | :        | :               | :          | :              | : tỉnh-Cua, Quận 3, |
|                        | :        | :               | :          | :              | : TP Hồ chí Minh,   |
|                        | :        | :               | :          | :              | : Việt Nam.         |
| 2- HUYNH-THI-XUAN      | : Female | : 1943          | : Yes      | : Spouse       | : Ditto             |
| 3- HUYNH BUU BICH-CHAU | : Female | : 1969          | : No       | : Daughter     | : Ditto             |
| 4-HUYNH BUU BICH-VAN   | : Female | : 1972          | : No       | : Daughter     | : Ditto             |
| 5-HUYNH BUU BICH-QUYEN | : Female | : 1982          | : No       | : Daughter     | : Ditto             |

We would be deeply grateful to you for hearing from you soon.

Respectfully and Thankfully Yours,

Hồ-chí-Minh City, November 24th, 1986

*(Signature)*

Hồ-chí-Minh City, July 5, 1982

REQUEST FOR IMMIGRATION TO U.S.A. OF FORMER OFFICER

To : Mr DIRECTOR OF THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE  
131, Soi Tien Road ( Sathorn Road)  
Bangkok 12 - THAILAND

Dear Sir:

I undersigned HUYNH - BŨU - KHUÔNG

Date and place of birth: January 7, 1935, Tam Bình, Mỹ Tho, South  
Việt-Nam.

Residing presently: 59/26/134, Huỳnh-tĩnh-Cửa, Q3, Hồ-chí-Minh City,  
Việt-Nam.

Rank: Major

Profession: Lawyer, Expert to the Coordination and Implementation  
of the Paris Agreement's Center. (Presidence of the Re-  
public of Việt-Nam).

Serial number: 55/105.505

I have the honour to expose my situation as follow: After  
April 30, 1975, I was concentrated for political reeducation and I  
was released on January 5, 1981. It has come to my attention that  
the U.S. Government is planning a project of orderly departure  
program (ODP) which is protection for whom intend to immigrate to  
the U.S.A., specially for former officers.

With this present request, I call for your generous and  
humanitarian acts, please allow us one agreement for immigration  
visa to the U.S.A. under your protection. My only hope and enthusia  
tic is permitted to leave Việt-Nam as soon as possible due to my  
difficult life here in Việt-Nam.

I beg you to remind my situation and inform me any infor-  
mations please. I understand that making a false statement will be  
jeopardized my request.

Respectfully Yours,



HUYNH-BŨU-KHUÔNG

Following are my blood relatives to be immigrated to the U.S.A. :

| : No : | Full name              | : Date and place<br>: of birth | : Relation-<br>: ship | : Address in Việt-Nam       |
|--------|------------------------|--------------------------------|-----------------------|-----------------------------|
| : 1    | : HUYNH-THỊ-XUÂN       | : September 17, 1943           | : Wife                | : 59/26/134, Huỳnh-tĩnh-Cửa |
| :      | : :                    | : Saigon, Việt-Nam.            | :                     | : Q3, Hồ-chí-Minh City, VN. |
| : 2    | : HUYNH-BŨU BÍCH-CHÂU  | : September 22, 1969,          | :                     | : 59/26/134, Huỳnh-tĩnh-Cửa |
| :      | :                      | : Saigon, Việt Nam.            | : Daughter            | : Q3, Hồ-chí-Minh City, VN. |
| : 3    | : HUYNH-BŨU BÍCH-VÂN   | : January 21, 1972,            | : Daughter            | : 59/26/134, Huỳnh-tĩnh-Cửa |
| :      | :                      | : Saigon, Việt Nam.            | :                     | : Q3, Hồ-chí-Minh City, VN. |
| : 4    | : HUYNH-BŨU BÍCH-QUYÊN | : March 31, 1982, Hồ-chí       | : Daughter            | : 59/26/134, Huỳnh-tĩnh-Cửa |
| :      | :                      | : Minh City, Việt-Nam.:        | :                     | : Q3, Hồ-chí-Minh City, VN. |

A released certificate and translation joint.



Bộ Nội Vụ  
TRẠI CẢI TẠO SỐ 3  
Số: 186/GRT

CỘNG-HÒA XÃ-HỘI CHỦ-NGHĨA VIỆT-NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

00037809942

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội Vụ  
Thi hành án văn, quyết định tha số 58 ngày 9/12/1980 của Bộ Nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây :

Họ và tên khai sinh : HUỖNH - BỬU - KHƯƠNG

Sinh năm : 1935

Nơi sinh: Tam Bình, Cai lập, Mỹtho, Phú túc, Bôn tre.

Nơi ĐKNKTT trước khi bắt: 59/26/134, Huỳnh tịnh Cửa, Quận 3 TP HCM  
Can Tội : Thiếu tá, Chuyên viên Trung Tâm Phối Hợp Thi Hành Hiệp Định  
Pari.

Bị bắt ngày: 14/6/1975

Án phạt: TTCT

Theo quyết định, án.văn số ngày tháng năm 19 của

Nay về cư trú tại : 59/26/134, Huỳnh-tĩnh-Cửa, Q3 , TP HCM.

- Nhận xét thái độ cải tạo :

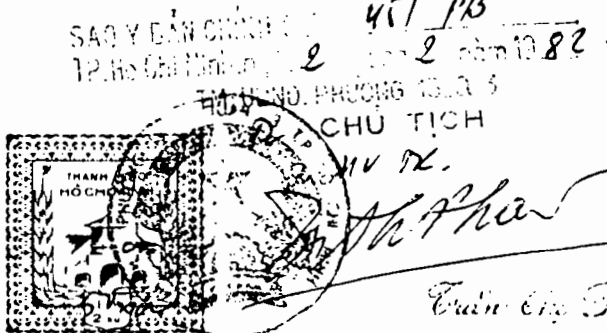
- Tư tưởng: Chịu sự giáo dục của Đảng và Nhà nước, chưa có gì biểu hiện xấu.
- Lao động: có ý thức, tham gia đều, đảm bảo ngày công
- Học tập : chú ý lắng nghe, tiếp thu nhanh
- Nội qui: chưa có gì sai phạm lớn.

Lấn tay ngón trở phải  
của: Khương  
Danh bảb số : 6608  
Lập tại: Quân pháp  
(dấu tay)

Họ tên chữ ký  
người được cấp giấy  
Huỳnh-Bửu-Khương  
(chữ ký)

Ngày 5 tháng 1 năm 1981  
P.Giám thị,

Ký tên: Thiếu tá Nguyễn-  
văn-Tứ  
(con dấu)



00037809942

RELEASE FROM REEDUCATION CAMP ORDER

Reference ordinance number 966-BCA/TT date 31/5/1961 of the Ministry of Home Affairs,

Execution sentence, released order number 58 date 9/12/1980 of the Ministry of Home Affairs.

Released certificate is now allowed to individual named as follows:

Name and family name: HUYNH - BUU - KHUONG

Date of birth : 1935

Place of birth: Tam binh, Cai Lay, My Tho, Phu Tuc, Ben tre.

Place of register family certificate prior to sentence: 59/26/134, Huynh tinh-Cua, quan 3, Ho-chi-Minh City.

Guilty of : Major, Expert to the Coordination and Implementation of the Paris Agreement's Center.

Captured on: 14-6-1975

Sentenced: Assembly reeducation

Reference decision, sentence number date of

Presently resides at: 59/26/134? Huynh-tinh-Cua, Q3, Ho-chi-Minh City.

-Judgement of past reeducation :

- Intellectual: Accept the reeducation policy of the Party and the Government, there is no bad manifestation.
- Labor: conscientious, commonly participation in all assigned labor works.
- Reeducation : Pay attention and has quick understanding.
- Internal regulation: had not yet a great fault.

Digital print of  
the right fore-  
finger of: Khuong  
Case number: 6608  
Made by: Military Justice  
(digital print)

Name, family name  
and signature of  
individual be allowed  
the certificate:  
signed  
Huynh-Buu-Khuong

Date, January 5, 1981  
Vice SUPERVISOR

Major Nguyen-van-Tu  
(signed and sealed)

TRANSLATION OF A BIRTH CERTIFICATE

NAME: HUYEN THI XUAN SEX: Female

BIRTH: PLACE - Saigon , 34 General Marchand Blvd. V.N.

DATE - Sept 17 , 1943

FATHER'S NAME; HUYENH VAN HOAI

MOTHER'S NAME: LAM THI HOA

CERTIFICATE ISSUED: Date - Dec 03 , 1968

PLACE - Saigon , VIETNAM.

MAGISTRATE - Tran thi Canh (signed and sealed)

CERTIFICATE FOUND: Archive or Register of 1943 Page No 5624  
From Justice Court, Saigon, South VIETNAM.

NOTATION OF IMPORTANCE:

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, BUI THU HUYNH, hereby certify that the above is an accurate translation of the extracted birth certificate in Vietnamese and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date: Oct 25, 1985

Chatham County Health Dept.  
Refugee Clinic / Savannah, Ga.  
2011 Eisenhower Dr  
Savannah, Ga. 31406  
Co-ordinator/Interpreter  
BUI, THU HUYNH

Bui Thu Huynh  
Signature of Translator  
Linda B. Waters  
LINDA B. WATERS  
Notary Public, Georgia, State at Large  
My Commission Expires May 2, 1988

VIỆT-NAM, CỘNG-HOA  
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP,  
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN  
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ ÁN THAM SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

CỦA/10.-

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH SAIGON  
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)  
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1943  
(Année)

SỐ HIỆU 562  
(Acte No)

|                                                              |                                |
|--------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| Tên, họ đứa con nít . . . . .<br>(Nom et prénom de l'enfant) | HUỲNH THỊ XUÂN                 |
| Nam, nữ . . . . .<br>(Sexe de l'enfant)                      | Féminin                        |
| Sanh ngày nào . . . . .<br>(Date de naissance)               | 17.9.1943                      |
| Sanh tại chỗ nào . . . . .<br>(Lieu de naissance)            | Saigon, 34 Bd Général Marchand |
| Tên, họ cha . . . . .<br>(Nom et prénom du père)             | HUỲNH VĂN HOÀI                 |
| Cha làm nghề gì . . . . .<br>(Sa profession)                 | Secrétaire                     |
| Nhà cửa ở đâu . . . . .<br>(Son domicile)                    | Saigon 283 quai de la Marne    |
| Tên, họ mẹ . . . . .<br>(Nom et prénom de la mère)           | LÂM THỊ HOA                    |
| Mẹ làm nghề gì . . . . .<br>(Sa profession)                  | Sans profession                |
| Nhà cửa ở đâu . . . . .<br>(Son domicile)                    | Saigon, 283 quai de la Marne   |
| Vợ chánh hay thứ . . . . .<br>(Son rang de femme mariée)     | Premier rang                   |

Chúng tôi  
(Nous)

Chánh-án Toà  
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của  
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông  
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.  
(Chef dudit Tribunal).

Trần Thị Ngọc

196

CHÁNH-ÁN.

LE PRÉSIDENT.

Ngày 20-9-1943

GIA TIỀN: 3000  
(Coba)

Biên-lai số: 16.119  
(Quittance No)

Trích y bản chánh.  
(Pour extrait conforme)

Saigon ngày 3 / 12 / 1943  
K. CHÁNH LỤC-SỰ,  
LE GREFFIER EN CHEF



Trần-thị-Ganh

Trần-thị-Ganh

# TRANSLATION OF A BIRTH CERTIFICATE

NAME: KHUONG BUU HUYNH SEX: MALE  
(First) (Middle) (Last)

BIRTH: Place - TAM BINH  
(City or Town) (Province) (Country)

Date - JANUARY 07 1935  
(Month) (Date) (Year)

FATHER'S NAME: PHUOC DAI HUYNH - RICE FARMER  
(First) (Middle) (Last)

MOTHER'S NAME: DIEN KIM DUONG - RICE FARMER  
(First) (Middle) (Last)

CERTIFICATE ISSUED: Date- JUNE 28 1953  
(extracted from original copy) (Month) (Date) (Year)

Place- MY THO - REPUBLIC OF VIET NAM  
(City or Town) (Province) (Country)

Magistrate- CANH VAN LE (signed and sealed)  
(First) (Middle) (Last)

CERTIFICATE FOUND: Archive or Register of 1935 Page 1  
From Tam Binh village (My Tho)

NOTATION OF IMPORTANCE:

## CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, TRI H. TRAN, hereby certify that the above is an accurate translation of the extracted birth certificate in Vietnamese and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date: March 10, 1983

Agency: Catholic Social Services, Inc.  
680 W. Peachtree Street NW  
Atlanta, Georgia 30308  
Phone: (404)881-6571

*Margaret Wilkerson*  
Notary Public, Georgia State at Large  
My Commission Expires Sept. 4, 1984

*Tri H. Tran*  
Signature of Translator

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH LĂNG TAM BÌNH (MỸ-THO).  
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)  
(Sud-Vietnam)

NĂM 1935  
(Année)

SỐ HIỆU I.  
(Acte No)

|                                                     |                  |
|-----------------------------------------------------|------------------|
| Tên, họ đứa con nít.<br>(Nom et prénom de l'enfant) | Huỳnh-bửu-Khương |
| Nam, nữ.<br>(Sexe de l'enfant)                      | Nam              |
| Sinh ngày nào.<br>(Date de naissance)               | 7 Janvier 1935   |
| Sinh tại chỗ nào.<br>(Lieu de naissance)            | Tam-bình         |
| Tên, họ cha.<br>(Nom et prénom du père)             | Huỳnh-đại-Phước  |
| Cha làm nghề gì.<br>(Sa profession)                 | làm ruộng        |
| Nhà cửa ở đâu.<br>(Son domicile)                    | Tam-bình         |
| Tên, họ mẹ.<br>(Nom et prénom de la mère)           | Đặng-kim-Điện    |
| Mẹ làm nghề gì.<br>(Sa profession)                  | làm ruộng        |
| Nhà cửa ở đâu.<br>(Son domicile)                    | Tam-bình         |
| Vợ chánh hay vợ thứ.<br>(Son rang de femme mariée)  | vợ chánh.-       |

Chúng tôi, BUU-NGHI  
(Nous)  
Chánh-án Tòa Sơ-thẩm Định-tướng  
(Président du Tribunal)  
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của  
(Certifions l'authenticité de la signature de)  
Ông Lê-văn-Gảnh,  
(M.)  
Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.  
(Greffier en chef dudit tribunal).

Mỹ-tho, ngày 28/6/1963  
CHÁNH-ÁN,  
(LE PRÉSIDENT),

Trích y bốn chánh,  
(Pour extrait conforme),

Mỹ-tho, ngày 28/6/1963  
CHÁNH LỤC-SỰ,  
(LE GREFFIER EN CHEF),

(1) Chứng-sách có bởi bỏ một chữ vì  
đặc lại là Đặng-kim-Điện./-

Gửi trả  
(Coût)  
Đặt-lại số  
(Quittance n°)

Bùi-văn-Điện



# TRANSLATION OF A MARRIAGE CERTIFICATE

No 111

Husband's Name: KHUONG BUU HUYNH  
(First) (Middle) (Last)

Birth: Place - TAM BINH - MY THO (Southern)

Date - JANUARY 07, 1935

Father's Name: PHUOC DAI HUYNH (living)

Mother's Name: DIEN KIM DUONG (living)

Wife's Name: XUAN THI HUYNH  
(First) (Middle) (Last)

Birth: Place - SAIGON (Southern)

Date - SEPTEMBER 17, 1943

Father's Name: HOAI VAN HUYNH (living)

Mother's Name: HOA THI LAM (living)

Place and Date of Marriage: FEBRUARY 08, 1969

1st Witness: // 2nd Witness //

Certificate Issued: Place - SAIGON - REPUBLIC OF VIET NAM  
(extracted from original copy)

Date: - DECEMBER 05, 1974

Magistrate- TOT VAN NGUYEN (signed and sealed)

Notation of Importance:

## CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, TRI H. TRAN, hereby certify that the above is an accurate translation of the extracted Marriage Certificate in Vietnamese and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date: March 10, 1983

Agency: Catholic Social Services, Inc.  
680 W. Peachtree Street NW  
Atlanta, Georgia 30308

Phone: (404)881-6571

*Margaret Walker*  
Notary Public, Georgia State I License  
My Commission Expires Sept. 4, 1984

*Tri H. Tran*  
Signature of Translator

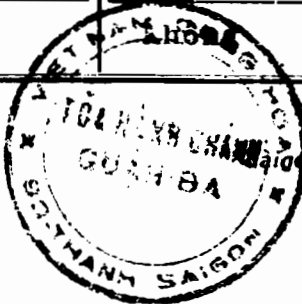
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
ĐÔ-THÀNH SAIGON  
QUẬN BA  
PHƯỜNG /  
Số hiệu : III

TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày 8 tháng 02 năm 19 69

|                         |                                                                           |
|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| Tên họ chồng            | Huỳnh Bửu Khương                                                          |
| Ngày và nơi sanh        | Bảy tháng giêng năm một ngàn chín trăm ba mươi lăm, Tam Bình, Mỹ Tho (NP) |
| Tên họ cha chồng        | Huỳnh đại Phước (s) (Sống/Chết)                                           |
| Tên họ mẹ chồng         | Dương Kim Liên (s) (Sống/Chết)                                            |
| Tên họ vợ               | Huỳnh thị Xuân                                                            |
| Ngày và nơi sanh        | Suối bảy tháng chín năm một ngàn chín trăm bốn mươi ba, Saigon (NP)       |
| Tên họ cha vợ           | Huỳnh Văn Hoài (s) (Sống/Chết)                                            |
| Tên họ mẹ vợ            | Lâm thị Hoa (s) (Sống/Chết)                                               |
| Ngày lập hôn thú        | 08 tháng 02 năm 1969                                                      |
| Có lập hôn<br>khế không |                                                                           |

MIỄN LỆ PHÍ  
BỘ CÔNG AN QUẢN LÝ



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

HG/6

Saigon, ngày 5 tháng 12 năm 19 74  
TL/ VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH

NGUYỄN VĂN TỐT  
Tham sự: Huỳnh Khương



TRANSLATION OF A BIRTH CERTIFICATE

NAME: BICH VAN BUU HUYNH SEX: FEMALE  
(First) (Middle) (Last)

BIRTH: Place - No. 75 CAO THANG ST. - SAIGON  
(City or Town) (Province) (Country)

Date - JANUARY 21 1972  
(Month) (Date) (Year)

FATHER'S NAME: KHUONG BUU HUYNH  
(First) (Middle) (Last)

MOTHER'S NAME: XUAN THI HUYNH  
(First) (Middle) (Last)

DECLARANT'S NAME : VAN THI VO

CERTIFICATE ISSUED: Date- JANUARY 25 1972  
(Month) (Date) (Year)

Extracted from original copy on 11/29/1974 at Saigon (VIET NAM)

Place- SAIGON - VIET NAM  
(City or Town) (Province) (Country)

Magistrate- TOT VAN NGUYEN (signed and sealed)  
(First) (Middle) (Last)

CERTIFICATE FOUND: Archive or Register \_\_\_\_\_ Page \_\_\_\_\_ No 633

NOTATION OF IMPORTANCE:

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, TRI H. TRAN, hereby certify that the above is an accurate translation of the extracted birth certificate in Vietnamese and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date: March 10, 1983

Agency: Catholic Social Services, Inc.  
680 W. Peachtree Street NW  
Atlanta, Georgia 30308

Phone: (404)881-6571

*Margaret Wilkerson*  
Notary Public, Georgia State at Large  
My Commission Expires Sept. 4, 1984

*Tri H. Tran*  
Signature of Translator

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
ĐÔ-THÀNH SAIGON

# TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: ĐA

Lập ngày 25 tháng I năm 1972

PHƯỜNG 1

Số hiệu: 633

|                                           |                                                                          |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Tên họ đứa trẻ. . . . .                   | Huỳnh Bửu Bích-Vân                                                       |
| Con trai hay con gái. . .                 | Con trai                                                                 |
| Ngày sanh. . . . .                        | Hai mươi một tháng giêng năm một ngàn<br>chín trăm bảy mươi hai, 18g1050 |
| Nơi sanh. . . . .                         | Saigon, 75 Cao Thắng                                                     |
| Tên họ người cha. . .                     | Huỳnh Bửu Khương                                                         |
| Tên họ người mẹ. . .                      | Huỳnh thị Liên                                                           |
| Vợ chánh hay không<br>có hôn-thú. . . . . | Vợ chánh                                                                 |
| Tên họ người<br>đứng khai. . . . .        | Vợ thị Vân                                                               |

MIỄN LỆ NHÌ  
Đã qua hồ-sơ Quận Đai



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH  
Saigon, ngày 29 tháng II năm 1974 HG/6  
TL/ Viên-Chức Hộ-Tịch,  
  
NGUYỄN VĂN TỚI  
Tham Sự Hành-Chánh

TRANSLATION OF A BIRTH CERTIFICATE

NAME: BICH CHAU BUU HUYNH SEX: FEMALE  
(First) (Middle) (Last)

BIRTH: Place - GRALL CLINIC - SAIGON  
(City or Town) (Province) (Country)

Date - SEPTEMBER 22 1969  
(Month) (Date) (Year)

FATHER'S NAME: KHUONG BUU HUYNH  
(First) (Middle) (Last)

MOTHER'S NAME: XUAN THI HUYNH  
(First) (Middle) (Last)

CERTIFICATE ISSUED: Date- SEPTEMBER 26 1969  
(Month) (Date) (Year)

Place- SAIGON - REPUBLIC OF VIET NAM  
(City or Town) (Province) (Country)

Extracted from original document at Saigon on 09/27/1969.

Magistrate- TU VAN HO (signed and sealed)  
(First) (Middle) (Last)

CERTIFICATE FOUND: Archive or Register of 1969 Page        No 4336

NOTATION OF IMPORTANCE:

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, TRI H. TRAN, hereby certify that the above is an accurate translation of the extracted birth certificate in Vietnamese and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date: March 10, 1983

Agency: Catholic Social Services, Inc.  
680 W. Peachtree Street NW  
Atlanta, Georgia 30308  
Phone: (404)881-6571

*Margaret Wilkerson*  
Notary Public, Georgia State at Large  
My Commission Expires Sept. 4, 1984

*Tri H. Tran*  
Signature of Translator

Số hiệu : 4336

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH 10

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (1969)

|                        |                                                                          |
|------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Tên, họ đứa nhỏ . . .  | Huỳnh Bửu Bích Châu                                                      |
| Phái . . . . .         | NỮ                                                                       |
| Ngày-sanh . . . . .    | Hai mươi hai tháng chín năm một ngàn<br>chín trăm sáu mươi chín, 13giờ50 |
| Nơi sanh . . . . .     | Saigon, đường đường Grall                                                |
| Tên, họ người Cha. . . | Huỳnh Bửu Khương                                                         |
| Tuổi . . . . .         | 34                                                                       |
| Nghề-nghiệp . . . . .  | Luật sư                                                                  |
| Nơi cư-ngụ . . . . .   | Saigon, 59/134 Huỳnh tịnh Của                                            |
| Tên, họ người mẹ . . . | Huỳnh Thị Xuân                                                           |
| Tuổi . . . . .         | 26                                                                       |
| Nghề-nghiệp . . . . .  | Sinh viên luật khoa                                                      |
| Nơi cư-ngụ . . . . .   | Saigon, 59/134 Huỳnh tịnh Của                                            |
| Vợ chánh hay thứ . .   | Vợ chánh                                                                 |

Lập tại Saigon, ngày 26 tháng 9 năm 19 69

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :



Saigon, ngày 27 tháng 9 năm 19 69

TRƯỞNG QUẢN I  
Phó Chánh Trưởng

*[Handwritten signature]*

TRANSLATION OF A BIRTH CERTIFICATE (COPY)

NAME: BICH QUYEN BUU HUYNH SEX: FEMALE  
(First) (Middle) (Last)

BIRTH: Place - 75A CAO THANG ST. - 3RD PRECINCT - Ho chi Minh city  
(City or Town) (Province) (Country)

Date - MARCH 31 1982  
(Month) (Date) (Year)

FATHER'S NAME: KHUONG BUU HUYNH - VIETNAMESE  
(First) (Middle) (Last)

MOTHER'S NAME: XUAN THI HUYNH - VIETNAMESE  
(First) (Middle) (Last)

CERTIFICATE ISSUED: Date- APRIL 05 1982  
(Month) (Date) (Year)

Certification : Extract from original document on 04/5/1982.

Place- Ho chi Minh city - VIET NAM  
(City or Town) (Province) (Country)

Magistrate- NGUYET THI BUI (signed and sealed)  
(First) (Middle) (Last)

CERTIFICATE FOUND: Archive or Register 01 Page      No 48

NOTATION OF IMPORTANCE:

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, TRI H. TRAN, hereby certify that the above is an accurate translation of the copy of an extracted birth certificate in Vietnamese and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date: March 10, 1983

Agency: Catholic Social Services, Inc.  
680 W. Peachtree Street NW  
Atlanta, Georgia 30308  
Phone: (404)881-6571

*Margaret Wilkerson*  
Notary Public, Georgia State at Large  
My Comm. Exp. Sept. 4, 1984

*Tri H. Tran*  
Signature of Translator

QUY ĐỊNH NHÂN BẢN  
Số, Tờ trước Phòng 13  
Tờ số, Quận Ba  
Thành phố, Tỉnh HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Ngày cấp

BẢN SAO  
GIẤY KHAI SINH

86. *h*  
Quyển số 01

|                                                                                              |                                                                           |                                                              |            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------|
| Họ và tên                                                                                    | HUỖNH BÙI BÌNH - QUYÊN                                                    |                                                              | Nam, nữ Nữ |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                      | Ba mươi mốt, tháng Ba, năm một ngàn chín trăm tám mươi hai, lúc 17 giờ 40 |                                                              |            |
| Nơi sinh                                                                                     | Số 75A đường Cao-Thăng, Quận 3, Thành-phố<br>Ho-chí-Minh                  |                                                              |            |
| KHAI VỀ CHA MẸ                                                                               | CHA                                                                       | MẸ                                                           |            |
| Họ, tên, tuổi hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh                                                  | HUỖNH BÙI KHƯƠNG<br>7-01-1935                                             | HUỖNH THỊ XUÂN<br>17-9-1943                                  |            |
| Đân tộc<br>Quốc tịch                                                                         | Kinh<br>Việt Nam                                                          | Kinh<br>Việt Nam                                             |            |
| Nghề nghiệp<br>Hạt ĐƯỢC thưởng trả                                                           | Công nhân Tổ Hợp<br>59/26/134 Huỳnh-tỉnh-<br>Qua, Q3, TP/Ho-chí-Minh      | Hội viên<br>59/26/134 Huỳnh-tỉnh-<br>Qua, Q3, TP/Ho-chí-Minh |            |
| Họ, tên, tuổi nơi ĐƯỢC<br>thưởng trả, số giấy chứng<br>minh hoặc CNCC của<br>người đóng khai | HUỖNH BÙI KHƯƠNG                                                          |                                                              |            |

NGƯỜI TRƯC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 5 tháng 4 năm 1982

Thị trấn, Quận Ba, ký tên đóng dấu



Đã ký ngày 5 tháng 4 năm 1982  
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

*Sơn Thị Nguyệt*



NATIONAL OFFICE

## MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1317 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20006

(202) 659-6646

659-6647

SA USCC#

Số QDP-Sangkox-IV#  
(nếu biết)

Mẫu Mới - Form A

ĐƠN XIN ĐOÀN TỤ GIA-ĐÌNH  
(Thân Nhân ở Việt-Nam)

Tên Người Đứng Đơn ở Hoa Kỳ: HUYNH VAN VIEN

Địa Chỉ:

Tuổi của Người Đứng Đơn: AUGUST 23-1948 Nơi Sinh: SAIGON VIET NAM

Ngày Người Đứng Đơn tới Hoa Kỳ: Sept-08-1975

Tư dân tới: VIET NAM

FORT - CHAFFEE - ARK

(Quốc gia)

(Trại Tỵ-Nạn Nao)

Số "Alien Registration" (Ghi trên Mẫu I-94 hoặc Thẻ Xanh): A-2205569H

Số Chứng-Chỉ Nhập-Tích Mỹ (Nếu có):

Quy-chế Hiện-tại của Người Đứng-Đơn:

Xin đánh dấu ☒ 1X☐ Tỵ-nạn (Chưa có quy-chế Thường-trú-nhân)☒ Thường-trú-nhân (Đã có Thẻ-Xanh)

Chú-thích: Dù đã có làm đơn Mẫu I-130, ☐ Công-dân Hoa-Ky  
cũng xin điền mẫu này và  
gửi tới USCC/Washington, D.C.

Tôi làm đơn này để xin cho những thân nhân ghi tên dưới đây, hiện  
còn ở tại Việt-Nam được sang Hoa Kỳ đoàn-tụ với tôi, (Tôi chấp nhận để  
tên tuổi những người dưới đây được thông báo cho các giới hữu-trách như  
Cao-Úy- Tỵ-Nạn Liên-Hiệp-Quốc, hoặc tất cả các cơ-quan, tổ-chức đặc  
trách chương-trình Đoàn-Tụ Gia-Đình, kể cả các giới-chức tại Việt-Nam).

XIN ĐIỀN CẢ BẢN TIẾNG ANH và THI THỰC CHỮ KÝ (trên bản tiếng Anh)

| TÊN THÂN NHÂN TẠI VIỆT-NAM | Ngày và<br>Nơi Sinh     | Liên-Hệ Gia-<br>Đình với Tôi | Địa-Chỉ Rõ-Ràng và<br>Mỗi-Nhất của Thân-Nhân<br>tại Việt-Nam |
|----------------------------|-------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| HUYNH, THI - XUAN          | Sept 17-1943<br>SG      | CHI RUOI                     | SS' 59/26/134                                                |
| HUYNH, BUI - HUONG         | Jan 07-1935<br>Tam Binh | ANH - RE                     | HUYNH HART (PHI) - CUA                                       |
| HUYNH, BUI - BICH - CHAU   | Sept 22-1969<br>SG      | CHAU - GAI                   | QUAN 3. THANH PHO                                            |
| HUYNH, BUI - BICH - VAN    | Jan 21-1972<br>SG       | CHAU GAI                     | HÔ - CHI - MINH                                              |
| HUYNH, BUI - BICH - HUYNH  | MARCH 31-1951<br>SG     | CHAU - GAI                   | VIET - NAM                                                   |

Người làm đơn ký tên: VIEN VAN HUYNH Ngày làm đơn: 10-26-83



NATIONAL OFFICE

USCC Reference No. 65048

## MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

ODP IV No. 8075409  
(If known)1317 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20002  
(202) 659-6646/6647

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (Vietnam)

## AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

Diocese of: \_\_\_\_\_

Our Name: Mr/Mrs/ Ms VIEN VAN HUYNH

Phone (home) \_\_\_\_\_

(work) \_\_\_\_\_

Our Address:

Number Street

County/City State

Zip

Date of Birth: AUGUST 03 1948

Place of Birth: SAIGON VIET NAM

Date of Entry to U.S. 09-08-75

Alien Number A 22055694

Naturalization Certificate Number (If Applicable) \_\_\_\_\_

Legal Status

Parolee ☐Permanent Resident Alien ☒U.S. Citizen ☐

I am filing this Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come to the United States, under the ORDERLY DEPARTURE PROGRAM. (ODP) I include a copy of my ☐ I-94 (both sides) ☒ I-151 (Permanent Resident Alien Card)

| Name HU               | Sex | Date/Place of Birth   | Relation to you | Address in Vietnam |
|-----------------------|-----|-----------------------|-----------------|--------------------|
| HUYNH, THI XUAN       | F   | Sept 17, 1943 SG      | SISTER          | Nº 59/26/134       |
| HUYNH, BUI KHUONG     | M   | Jan, 07-1935 TAM BINH | BROTHER IN LAW  | HUYNH TINH CU      |
| HUYNH, BUI BICH CHAU  | F   | Sept 22-1969 SG       | NICE            | QUAN 3 THANH       |
| HUYNH, BUI BICH VAN   | F   | Jan 21-1972 SG        | NICE            | HO CHI MINH        |
| HUYNH, BUI BICH QUYEN | F   | MARCH 31-1982 SG      | NICE            | VIET NAM           |
|                       |     |                       |                 |                    |
|                       |     |                       |                 |                    |
|                       |     |                       |                 |                    |
|                       |     |                       |                 |                    |

I swear that the information in this statement is true to the best of my knowledge, and understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

VIEN VAN HUYNH  
Your SignatureSubscribed and sworn to before me this  
26 day of Oct, 1983.

Stamp or Seal of Notary

Linda B. Waters

Signature of Notary Public

LINDA B. WATERS

My commission expires Notary Public, Georgia State at Large  
My Commission Expires May 14, 1984

Any change of address should be reported immediately to USCC National Office and the local USCC Diocesan Resettlement Office.

USCC FORM A, 16/82



ODP Paog - HUYNH THI XUÂN  
IV - 75409.

Vol. Agency. USCC/Sav, Ga.

USCC Reference. N<sup>o</sup> 65048.



HUYNH THI XUÂN (Thu + Viên's  
Sister).  
DOB. Sept 17-43  
Birthplace: Saigon, VN.

Sponsor. HUYNH VĂN VIÊN<sup>2</sup>

Or: Huynh Hui Thu.



HUYNH BỬU KHUÔNG  
DOB. Jan. 07-35  
Birthplace: Tam Bình - Mỹ  
Tho. V.N  
Mr. KHUONG was in Re-  
education camps from  
April/75 to 1-5-81.  
He was released in 1-5-81  
(5 years + 6 mos  
in camps).



HUYNH BỬU BÍCH QUYÊN  
DOB. March 31-82.  
Birthplace: Saigon. VN.



HUYNH BỬU BÍCH-VÂN  
DOB. Jan. 21-72  
Saigon, VN



HUYNH BỬU BÍCH-  
CHÂU  
DOB. Sept. 22-69  
Saigon VN

Address in VN: 59/26/134 Huỳnh Tinh Của  
Quận 3  
HỒ CHÍ MINH, City, VN



# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-998-7850

### Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THO  
TRẦN KIM DUNG, MS  
NGUYỄN XUÂN LAN, MA  
TRẦN NGỌC DUNG, MA  
NGUYỄN QUỲNH GAO  
TRẦN THỊ PHƯƠNG  
HUỠNH KIM CHI  
DUONG MỸ LINH SOLANO  
MRS. LÊ VĂN HÙNG

### Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THO  
President  
TRẦN KIM DUNG, MS  
Vice-President  
NGUYỄN QUỲNH GAO  
Vice-President  
TRẦN NGỌC DUNG, MA  
Secretary General  
NGUYỄN XUÂN LAN, MA  
Deputy Secretary  
TRẦN THỊ PHƯƠNG  
Treasurer  
HUỠNH KIM CHI  
Deputy Treasurer

### Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

DUONG MỸ LINH SOLANO, Esq.

Ngày 24 tháng 8 năm 1985

Thưa Ông/Bà: *Huỳnh Thi Thu*

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam có nhận được thư và hồ sơ của Ông/Bà xin đoàn-tụ gia-dinh cho thân-nhân. Chúng tôi thành-thật cảm ơn Ông/Bà đã tỏ lòng tin-tưởng và hưởng-ứng hoạt-dộng của Hội trong công-tác nhân-dạo để được thấy thân-nhân chúng ta sớm được đoàn-tụ với gia-dinh.

Chúng tôi đang xúc tiến việc lập danh-sách của quý thân-nhân hiện còn bị giam cầm hay đã được tự-do và cùng gia-dinh muốn rời Việt Nam theo chương trình Ra Đi Trật Tự (Orderly Departure Program) để nộp cho cơ-quan có thẩm-quyền hầu nguyên-vọng của Ông/Bà sớm được kết-quả tốt-đẹp. Trong trường-hợp Ông/Bà chưa lập hồ-sơ cho thân-nhân để được đoàn-tụ gia-dinh, xin Ông/Bà điền chi-tiết lý-lịch trong các mẫu đính kèm và gửi đến chúng tôi. Đồng thời, chúng tôi cũng đề-nghị Ông/Bà tiếp-xúc với cơ-quan thiện-nguyên địa-phương để xúc-tiến thủ-tục lập hồ-sơ qua chương-trình Ra Đi Trật-Tự. Nếu Ông/Bà đã nộp đơn, xin Ông/Bà gửi đến Hội chúng tôi bản sao mẫu đơn nộp qua chương-trình này.

Vì lý-do Hội hoạt-dộng có tính-cách tự-nguyên, xin Ông/Bà mỗi khi gửi thư hay hồ-sơ đến Hội, vui lòng đính kèm một phong bì có dán tem để tiện việc phúc đáp.

Tiện đây, Hội cũng gửi đến Ông/Bà bản sao bức thư của Tổng-Trưởng Ngoại-Giao Hoa-Kỳ đã gửi đến Hội về vấn-đề tù-nhân chính-trị và chương-trình Ra Đi Trật-Tự Đoàn-Tụ Gia-Đình.

Trân-trọng chào Ông/Bà.

Re : *Thiếu Tá Bùi Văn Minh*

Kính thư,

- Chuẩn úy Phạm Quốc Túy
- Thiếu Tá Huỳnh Bửu Kỳ
- Thiếu tá Huỳnh Văn Vĩnh

*[Signature]*  
Bà Khúc Minh Tho  
Chủ Tịch

9-25-87  
(update).

HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI VIET-NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION  
5555 Columbia Pike, Suite D, Arlington, VA 22204  
\*\*\*\*\*

As Of: \_\_\_\_\_

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

| Order: | Prisoner's name,<br>date of birth and address:                                                   | Former<br>rank/position: | Currently:<br>detained:        | Former<br>Prisoner<br>in prison: | Date of Application<br>for Orderly Departure:<br>(IV number, if any)<br>Yes : No :<br>Yes : No :<br>How long : | Name, address, and Tel. number<br>of Relative in the U.S. |
|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1      | HUỠNH BỬU KHUÔNG<br>59/26/134 Huỳnh-<br>Tân Cửa. Q.3.<br>Hố Chí Minh City, VN                    | Major                    | No                             | yes.<br>From:<br>6/75 to<br>1/81 | IV 075409<br>USCC Agency<br>Case 65048                                                                         | Mr. HUỠNH VĂN VIÊN                                        |
| 2      | HUỠNH VĂN VĨNH<br>Thủ Đức Re-educ. camp.<br>Phân trại K 2. Z30D.<br>Đội 6.<br>Hầm Tân, Thuận Hải | Major.                   | yes<br>From 4/75<br>to Present |                                  | IV. 122635.<br>USCC Agency<br>Case 65048<br>2-12-84.                                                           | Mr. HUỠNH VĂN VIÊN                                        |
|        |                                                                                                  |                          |                                |                                  |                                                                                                                |                                                           |
|        |                                                                                                  |                          |                                |                                  |                                                                                                                |                                                           |

Chú Thô

**INTAKE FORM**  
**MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH**

**APPLICANT FOR ORDERLY DEPARTURE PROGRAM:**

NAME (TÊN) : HUYNH BUI KHUONG  
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : JAN- 07 - 35 . Tam Binh, My Tho. VIETNAM.  
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)  
SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Male Female (Nữ) :  
MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình)  
(Tình trạng gia đình)  
ADDRESS IN VIETNAM : 59/26/134 Huynh tinh Cua. Quan 3. HO CHI MINH City, V.N.  
(Địa chỉ tại VN)  
POLITICAL PRISONER (Có là Tư binh tại VN hay không) : Yes (Có) Yes No (Không)  
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : June-14-75 To (Đến) Jan-5-81  
PLACE OF RE-EDUCATION : Vinh Phu, North VIETNAM.  
CAMP (TRẠI TÙ )  
PROFESSION (Nghề Nghiệp) : None  
EDUCATION IN U.S. : \_\_\_\_\_  
(DU HỌC TẠI MỸ)  
VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : Major/Lawyer Coordinator of the Paris Agreement Center  
VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : Lawyer Date (Năm) :  
(Trong chính phủ VN)  
APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : Yes IV Number (số hồ sơ) : 075409 No (Không)  
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : 4 (Wife and 3 children)  
MAILING ADDRESS IN VN : 59/26/134 Huynh tinh Cua. Quan 3. HO CHI MINH City, V.N.  
(Địa chỉ liên lạc tại VN)  
NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : Mr. HUYNH VAN VIEN  
(Tên, Địa chỉ Thân nhân : hay Người Bảo Trờ)  
U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : Yes No (Không) :  
RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : Brother in law.  
NAME AND SIGNATURE : VIEN VAN HUYNH  
ADDRESS OF INFORMANT : \_\_\_\_\_  
(Tên, Địa Chỉ, Chủ Ký, ĐT của người điền đơn này)  
DATE : \_\_\_\_\_  
Month (Thang) Day (ngày) Year (năm)  
Sept-21-87.

## APPLICATION FOR CLASSIFICATION AS REFUGEES

IV 075409  
ODP.

To : Mr DIRECTOR OF THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE  
BANJABHUM BUILDING  
127 SATHORN TAI ROAD  
BANGKOK 10120, THAILAND.

Subject: Request for immigration to the United States of America under  
the Orderly Departure Program.

Reference: ODP IV No 075-409 Date : 05/01/1984

Dear Sir,

- 1- I, the undersigned HUYNH - BUU - KHUONG
- 2- Regimental number: \_\_\_\_\_
- 3- Date and country of birth: January 7th, 1935, Tam-Binh village, Mytho province, South Vietnam.
- 4- Nationality: Vietnam
- 5- Religion: Cult of ancestors
- 6- Sex: Male ☒ Female ☐
- 7- Family status: Married
- 8- Home address: 59/26/I34, Huynh-tinh-Cua, Quận 3, Thành phố Hồ-chí-Minh, Vietnam
- 9- Military education: Inter-Military school in Thu-duc
- 10- Job title/Grade: Expert to the Coordination and Implementation of the Paris Agreement's Center. Major(RVNAF). (Serial number: 55/I04505)
- 11- Armed forces Branch of service: Administration Officer of the Military Medical(sĩ-quan hành-chánh quân-y), Officer of the military Property Office(sĩ-quan Quân-sân)
- 12- Unit: The Coordination and Implementation of the Paris Agreement's Center.
- 13- Place worked: Presidency of the Republic of Việt-Nam (Independence Palace) in Saigon.
- 14- Civilian education: French Baccalaureate, graduated from the law school of Saigon University, Lawyer to the Saigon's Court.
- 15- Civilian occupation: None
- 16- Travel/Education outside Vietnam: No
- 17- US closest relative: VIEN VAN, HUYNH, 211 Paradise Dr, Savannah GA 31406-USA.
- 18- US Acquaintance: KIM GIANG, LUONG, 2544SW 48th Oklahoma City, OK 73119, USA.
- 19- After April 30, 1975, spent in reeducation Five/years Six/months  
Released from reeducation Camp No 3 in Nghệ-Tĩnh on January 5th, 1981.
- 20- Reference: Release Decision No 58 on December 9th, 1980 of the Ministry of Home Affairs.

Due to the difficulty of my situation, and based on the authority of your organization and the spirit of the humanitarian act, I wish to request your assistance and your intervention with the Government of the Socialist Republic of Vietnam, in order that I and all my family's members may be authorized to leave Vietnam under your arrangement and protection through the ODP, and to immigrate to the United States of America for the purpose of seeking a new life.

Following is our full list:

| FULL NAME               | : Sex    | : Year of birth | : Married? | : Relationship | : Address                                                      |
|-------------------------|----------|-----------------|------------|----------------|----------------------------------------------------------------|
| 1.-HUYNH-BUU-KHUONG     | : Male   | : 1935          | : Yes      | : Applicant    | : 59/26/I34, Huynh-tinh-Cua, Quận 3, TP Hồ chí Minh, Việt Nam. |
| 2- HUYNH-THI-XUAN       | : Female | : 1943          | : Yes      | : Spouse       | : Ditto                                                        |
| 3- HUYNH BUU BICH-CHAU  | : Female | : 1969          | : No       | : Daughter     | : Ditto                                                        |
| 4- HUYNH BUU BICH-VAN   | : Female | : 1972          | : No       | : Daughter     | : Ditto                                                        |
| 5- HUYNH BUU BICH-QUYEN | : Female | : 1982          | : No       | : Daughter     | : Ditto                                                        |

We would be deeply grateful to you for hearing from you soon.

Respectfully and Thankfully Yours,

Hồ-chí-Minh City, November 24th, 1986

*[Signature]*

Hồ-chí-Minh City, July 5, 1982

REQUEST FOR IMMIGRATION TO U.S.A. OF FORMER OFFICER

To : Mr DIRECTOR OF THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE  
131, Sei Tien Road ( Sathern Road)  
Bangkok 12 - THAILAND

Dear Sir:

I undersigned HUỖNH - BỬU - KHƯƠNG

Date and place of birth: January 7, 1935, Tam Bình, Mỹ Tho, South  
Việt-Nam.

Residing presently: 59/26/134, Huỳnh-tĩnh-Cửa, Q3, Hồ-chí-Minh City,  
Việt-Nam.

Rank: Major

Profession: Lawyer, Expert to the Coordination and Implementation  
of the Paris Agreement's Center. (Presidence of the Re-  
public of Việt-Nam).

Serial number: 55/104.505

I have the honour to expose my situation as follow: After  
April 30, 1975, I was concentrated for political reeducation and I  
was released on January 5, 1981. It has come to my attention that  
the U.S. Government is planning a project of orderly departure  
program (ODP) which is protection for whom intend to immigrate to  
the U.S.A., specially for former officers.

With this present request, I call for your generous and  
humanitarian acts, please allow us one agreement for immigration  
visa to the U.S.A. under your protection. My only hope and enthusia  
tic is permitted to leave Việt-Nam as soon as possible due to my  
difficult life here in Việt-Nam.

I beg you to remind my situation and inform me any infor-  
mations please. I understand that making a false statement will be  
jeopardized my request.

Respectfully Yours,



HUỖNH-BỬU-KHƯƠNG

Following are my blood relatives to be immigrated to the U.S.A. :

| : No : | Full name            | : Date and place<br>: of birth                     | : Relation-<br>: ship | : Address in Việt-Nam                                      |
|--------|----------------------|----------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------|
| : 1 :  | HUỖNH-THỊ-XUÂN       | : September 17, 1943<br>: Saigon, Việt-Nam.        | : Wife                | : 59/26/134, Huỳnh-tĩnh-Cửa<br>: Q3, Hồ-chí-Minh City, VN. |
| : 2 :  | HUỖNH-BỬU BÍCH-CHÂU  | : September 22, 1969,<br>: Saigon, Việt Nam.       | : Daughter            | : 59/26/134, Huỳnh-tĩnh-Cửa<br>: Q3, Hồ-chí-Minh City, VN. |
| : 3 :  | HUỖNH-BỬU BÍCH-VAN   | : January 21, 1972,<br>: Saigon, Việt Nam.         | : Daughter            | : 59/26/134, Huỳnh-tĩnh-Cửa<br>: Q3, Hồ-chí-Minh City, VN. |
| : 4 :  | HUỖNH-BỬU BÍCH-QUYÊN | : March 31, 1982, Hồ-chí<br>: Minh City, Việt-Nam. | : Daughter            | : 59/26/134, Huỳnh-tĩnh-Cửa<br>: Q3, Hồ-chí-Minh City, VN. |

A released certificate and translation joint.

Bộ Nội Vụ  
TRẠI CẢI TẠO SỐ 3  
Số: 186/GRT  
-----

CỘNG-HÒA XÃ-HỘI CHỦ-NGHĨA VIỆT-NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

00037809942

G I Á Y   R A   T R Ạ I

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội Vụ  
Thi hành án văn, quyết định tha số 58 ngày 9/12/1980 của Bộ Nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây :

Họ và tên khai sinh : HUỖNH - BỬU - KHƯƠNG

Sinh năm : 1935

Nơi sinh: Tam Bình, Cai lậy, Mỹtho, Phú túc, Bôn tre.

Nơi ĐKNKTT trước khi bắt: 59/26/134, Huỳnh tịnh Cửa, Quận 3 TP HCM

Can Tội 2 Thiểu tá, Chuyên viên Trung Tâm Phối Hợp Thi Hành Hiệp Định  
Pari.

Bị bắt ngày: 14/6/1975

Án phạt: TTCT

Theo quyết định, án.văn số      ngày      tháng      năm 19      của

Nay về cư trú tại : 59/26/134, Huỳnh-tịnh-Cửa, Q3 , TP HCM.

- Nhận xét thái độ cải tạo :

- Tư tưởng: Chịu sự giáo dục của Đảng và Nhà nước, chưa có gì biểu hiện xấu.
- Lao động: có ý thức, tham gia đều, đảm bảo ngày công
- Học tập : chú ý lắng nghe, tiếp thu nhanh
- Nội qui: chưa có gì sai phạm lớn.

Lấn tay ngón trỏ phải  
của: Khương  
Danh bảb số : 6608  
Lập tại: Quân pháp  
(dấu tay)

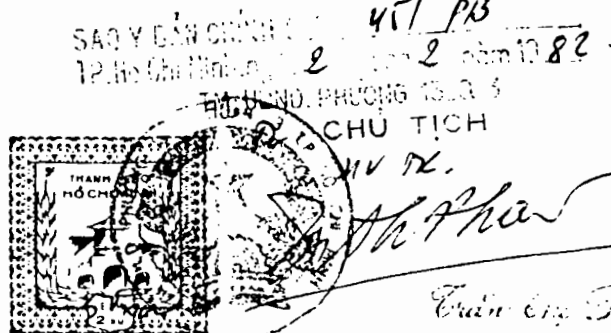
Họ tên chữ ký  
người được cấp giấy

Huỳnh-Bửu-Khương  
(chữ ký)

Ngày 5 tháng 1 năm 1981

P.Giám thị,

Ký tên: Thiểu tá Nguyễn-  
văn-Tứ  
(con dấu)



00037809942

RELEASE FROM REEDUCATION CAMP ORDER

Reference ordinance number 966-BCA/TT date 31/5/1961 of the Ministry of Home Affairs,

Execution sentence, released order number 58 date 9/12/1980 of the Ministry of Home Affairs.

Released certificate is now allowed to individual named as follows:

Name and family name: HUYNH - BUU - KHUONG

Date of birth: 1935

Place of birth: Tam binh, Cai Lay, My Tho, Phu Tuc, Ben tre.

Place of register family certificate prior to sentence: 59/26/134, Huynh tinh-Cua, quan 3, Ho-chi-Minh City.

Guilty of : Major, Expert to the Coordination and Implementation of the Paris Agreement's Center.

Captured on: 14-6-1975

Sentenced: Assembly reeducation

Reference decision, sentence number date of

Presently resides at: 59/26/134? Huynh-tinh-Cua, Q3, Ho-chi-Minh City.

-Judgement of past reeducation :

- Intellectual: Accept the reeducation ~~policy~~ of the Party and the Government, there is no bad manifestation.
- Labor: conscientious, commonly participation in all assigned labor works.
- Reeducation : Pay attention and has quick understanding.
- Internal regulation: had not yet a great fault.

Digital print of  
the right fore-  
finger of: Khuong  
Case number: 6608  
Made by: Military Justice  
(digital print)

Name, family name  
and signature of  
individual be allowed  
the certificate:  
signed  
Huynh-Buu-Khuong

Date, January 5, 1981  
Vice SUPERVISOR

Major Nguyen-van-Tu  
(signed and sealed)



TRANSLATION OF A BIRTH CERTIFICATE

NAME: HUYNH THI XUAN SEX: Female

BIRTH: PLACE - Saigon , 3/4 General Marchand Blvd. V.N.

DATE - Sept 17 , 1943

FATHER'S NAME; HUYNH VAN HOAI

MOTHER'S NAME: LAM THI HOA

CERTIFICATE ISSUED: Date - Dec 03 , 1968

PLACE - Saigon , VIETNAM.

MAGISTRATE - Tran thi Canh (signed and sealed)

CERTIFICATE FOUND: Archive or Register of 1943 Page No 5624  
From Justice Court, Saigon, South VIETNAM.

NOTATION OF IMPORTANCE:

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, BUI THU HUYNH, hereby certify that the above is an accurate translation of the extracted birth certificate in Vietnamese and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date: Oct 25, 1985

Chatham County Health Dept.  
Refugee Clinic / Savannah, Ga.  
2011 Eisenhower Dr  
Savannah, Ga. 31406  
Co-ordinator/Interpreter  
BUI, THU HUYNH

Bui Thu Huynh  
Signature of Translator  
Linda B. Waters  
LINDA B. WATERS  
Notary Public, Georgia, State at Large  
My Commission Expires May 2, 1988

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH SAIGON  
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)  
(Sud Viet-Nam)

NĂM 1943  
(Année)

SỐ HIỆU 562  
(Acte No)

|                                                              |                                |
|--------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| Tên, họ đứa con nít . . . . .<br>(Nom et prénom de l'enfant) | HUỲNH THỊ XUÂN                 |
| Nam, nữ . . . . .<br>(Sexe de l'enfant)                      | Féminin                        |
| Sanh ngày nào . . . . .<br>(Date de naissance)               | 17.9.1943                      |
| Sanh tại chỗ nào . . . . .<br>(Lieu de naissance)            | Saigon, 34 Bd Général Marchand |
| Tên, họ cha . . . . .<br>(Nom et prénom du père)             | HUỲNH VĂN HOÀI                 |
| Cha làm nghề gì . . . . .<br>(Sa profession)                 | Secrétaire                     |
| Nhà cửa ở đâu . . . . .<br>(Son domicile)                    | Saigon 283 quai de la Marne    |
| Tên, họ mẹ . . . . .<br>(Nom et prénom de la mère)           | LÂM THỊ HOA                    |
| Mẹ làm nghề gì . . . . .<br>(Sa profession)                  | Sans profession                |
| Nhà cửa ở đâu . . . . .<br>(Son domicile)                    | Saigon, 283 quai de la Marne   |
| Vợ chánh hay thứ . . . . .<br>(Son rang de femme mariée)     | Premier rang                   |

Chúng tôi —  
(Nous)

Chánh-án Toà —  
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của  
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông —  
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.  
(Chef du Greffe du Tribunal).

CHÍNH-ÁN  
LE PRÉSIDENT

CHÍNH-LỤC-SỰ  
LE GREFFIER EN CHEF

Trích y bản chánh,  
(Pour extrait conforme)

Saigon ngày 3 / 12 / 1968  
K. CHÁNH LỤC-SỰ,  
LE GREFFIER EN CHEF



Trần-thị-Cánh

Giá tiền: 300  
(Cote)

Biên-lai số: 16.119  
(Quittance No)

TRANSLATION OF A BIRTH CERTIFICATE

NAME: KHUONG BUU HUYNH SEX: MALE  
(First) (Middle) (Last)

BIRTH: Place - TAM BINH  
(City or Town) (Province) (Country)

Date - JANUARY 07 1935  
(Month) (Date) (Year)

FATHER'S NAME: PHUOC DAI HUYNH - RICE FARMER  
(First) (Middle) (Last)

MOTHER'S NAME: DIEN KIM DUONG - RICE FARMER  
(First) (Middle) (Last)

CERTIFICATE ISSUED: Date- JUNE 28 1953  
(extracted from original copy) (Month) (Date) (Year)

Place- MY THO - REPUBLIC OF VIET NAM  
(City or Town) (Province) (Country)

Magistrate- CANH VAN LE (signed and sealed)  
(First) (Middle) (Last)

CERTIFICATE FOUND: Archive or Register of 1935 Page 1  
From Tam Binh village (My Tho)

NOTATION OF IMPORTANCE:

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, TRI H. TRAN, hereby certify that the above is an  
accurate translation of the extracted birth certifi-  
cate in Vietnamese and that I am competent in both Eng-  
lish and Vietnamese to render such translation.

Date: March 10, 1983

Agency: Catholic Social Services, Inc.  
680 W. Peachtree Street NW  
Atlanta, Georgia 30308  
Phone: (404)881-6571

*Margaret Wilkerson*  
Notary Public, Georgia State at Large  
My Commission Expires Sept. 4, 1984

*Tri H. Tran*  
Signature of Translator

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH LĂNG TAM BÌNH (MỸ-THO).  
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)  
(Sud-Vietnam)

NĂM 1935 SỐ HIỆU I.  
(Année) (Acte No)

|                                                     |                     |
|-----------------------------------------------------|---------------------|
| Tên, họ đứa con nít.<br>(Nom et prénom de l'enfant) | Huỳnh-bửu-Kimlong   |
| Nam, nữ.<br>(Sexe de l'enfant)                      | Nam                 |
| Sinh ngày nào.<br>(Date de naissance)               | 7 Janvier 1935      |
| Sinh tại chỗ nào.<br>(Lieu de naissance)            | Tam-bình            |
| Tên, họ cha.<br>(Nom et prénom du père)             | Huỳnh-đại-Phước     |
| Cha làm nghề gì.<br>(Sa profession)                 | làm ruộng           |
| Nhà cửa ở đâu.<br>(Son domicile)                    | Tam-bình<br>(1) Kim |
| Tên, họ mẹ.<br>(Nom et prénom de la mère)           | Đặng-kim-Điện       |
| Mẹ làm nghề gì.<br>(Sa profession)                  | làm ruộng           |
| Nhà cửa ở đâu.<br>(Son domicile)                    | Tam-bình            |
| Vợ chánh hay vợ thứ.<br>(Son rang de femme mariée)  | vợ chánh.-          |

Chúng tôi, ĐUỠ NGHI  
(Nous)  
Chánh-án Tòa Sở-thẩm Định-tướng  
(Président du Tribunal)  
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của  
(Certifions l'authenticité de la signature de)  
Ông Lê-văn-Gảnh,  
(M.)  
Chánh-Lục-sự Tòa-án sở tại.  
(Greffier en chef dudit tribunal).

Mỹ-tho, ngày 28/6/1963  
CHÁNH-ÁN,  
(LE PRÉSIDENT),

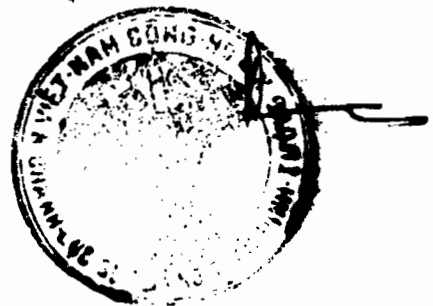
Trích y bốn chánh,  
(Pour extrait conforme),

Mỹ-tho, ngày 28/6/1963  
CHÁNH LỤC-SỰ,  
(LE GREFFIER EN CHEF),

(1) Chứng-nhận có bởi bỏ một chữ v  
đọc lại là Đặng-kim-Điện./-

Gửi tiền  
(Cash)  
Điền-lai số  
(Quittance no)

Đặng-kim-Điện



# TRANSLATION OF A MARRIAGE CERTIFICATE

No 111

Husband's Name: KHUONG BUU HUYNH  
(First) (Middle) (Last)

Birth: Place - TAM BINH - MY THO (Southern)

Date - JANUARY 07, 1935

Father's Name: PHUOC DAI HUYNH (living)

Mother's Name: DIEN KIM DUONG (living)

Wife's Name: XUAN THI HUYNH  
(First) (Middle) (Last)

Birth: Place - SAIGON (Southern)

Date - SEPTEMBER 17, 1943

Father's Name: HOAI VAN HUYNH (living)

Mother's Name: HOA THI LAM (living)

Place and Date of Marriage: FEBRUARY 08, 1969

1st Witness: // 2nd Witness //

Certificate Issued: Place - SAIGON - REPUBLIC OF VIET NAM  
(extracted from original copy)

Date: DECEMBER 05, 1974

Magistrate- TOT VAN NGUYEN (signed and sealed)

Notation of Importance:

## CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, TRI H. TRAN, hereby certify that the above is an accurate translation of the extracted Marriage Certificate in Vietnamese and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date: March 10, 1983

Agency: Catholic Social Services, Inc.  
680 W. Peachtree Street NW  
Atlanta, Georgia 30308

Phone: (404)881-6571

*Margaret Wilkerson*  
Notary Public, Georgia State of Large  
My Commission Expires Sept. 4, 1984

*Tri H. Tran*  
Signature of Translator

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
ĐÔ-THÀNH SAIGON  
QUẬN BA  
PHƯỜNG /  
Số hiệu : III

TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN-THÚ

Lập ngày 8 tháng 02 năm 19 69

|                      |                                                                           |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| Tên họ chồng         | Huỳnh Bửu Khương                                                          |
| Ngày và nơi sanh     | Bảy tháng giêng năm một ngàn chín trăm ba mươi lăm, Tam Bình, My Tho (NP) |
| Tên họ cha chồng     | Huỳnh đại Phước (s) (Sống/Chết)                                           |
| Tên họ mẹ chồng      | Dương Kim Liên (s) (Sống/Chết)                                            |
| Tên họ vợ            | Huỳnh thị Xuân                                                            |
| Ngày và nơi sanh     | Mười bảy tháng chín năm một ngàn chín trăm bốn mươi ba, Saigon (NP)       |
| Tên họ cha vợ        | Huỳnh Văn Hoài (s) (Sống/Chết)                                            |
| Tên họ mẹ vợ         | Lâm thị Hoa (s) (Sống/Chết)                                               |
| Ngày lập hôn thú     | 08 tháng 02 năm 1969                                                      |
| Có lập hôn khế không |                                                                           |

MIỄN LỆ PHÍ  
Hộ gia đình Quận Ba



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

HG/6

Ngày 5 tháng 12 năm 19 74  
TL/ VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH

*[Signature]*  
NGUYỄN VĂN TỐT  
Tham sự Hộ tịch

TRANSLATION OF A BIRTH CERTIFICATE

NAME: BICH CHAU BUU HUYNH SEX: FEMALE  
(First) (Middle) (Last)

BIRTH: Place - GRALL CLINIC - SAIGON  
(City or Town) (Province) (Country)

Date - SEPTEMBER 22 1969  
(Month) (Date) (Year)

FATHER'S NAME: KHUONG BUU HUYNH  
(First) (Middle) (Last)

MOTHER'S NAME: XUAN THI HUYNH  
(First) (Middle) (Last)

CERTIFICATE ISSUED: Date- SEPTEMBER 26 1969  
(Month) (Date) (Year)

Place- SAIGON - REPUBLIC OF VIET NAM  
(City or Town) (Province) (Country)

Extracted from original document at Saigon on 09/27/1969.

Magistrate- TU VAN HO (signed and sealed)  
(First) (Middle) (Last)

CERTIFICATE FOUND: Archive or Register of 1969 Page        No 4336

NOTATION OF IMPORTANCE:

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, TRI H. TRAN, hereby certify that the above is an accurate translation of the        extracted birth certificate in Vietnamese and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date: March 10, 1983

Agency: Catholic Social Services, Inc.  
680 W. Peachtree Street NW  
Atlanta, Georgia 30308  
Phone: (404)881-6571

*Margaret Wilkerson*  
Notary Public, Georgia State at Large  
My Commission Expires Sept. 4, 1984

*Tri H. Tran*  
Signature of Translator

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH<sup>10</sup>

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (1969)

|                        |                                                                       |
|------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Tên, họ đứa nhỏ . . .  | Huỳnh Bửu Bích Châu                                                   |
| Phái . . . . .         | NỮ                                                                    |
| Ngày-sanh . . . . .    | Hai mươi hai tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín, 13giờ50 |
| Nơi sanh . . . . .     | Saigon, đường Grall                                                   |
| Tên, họ người Cha. . . | Huỳnh Bửu Khương                                                      |
| Tuổi . . . . .         | 34                                                                    |
| Nghề-nghiệp . . . . .  | Luật sư                                                               |
| Nơi cư-ngụ . . . . .   | Saigon, 59/134 Huỳnh tịnh Của                                         |
| Tên, họ người mẹ . . . | Huỳnh Thị Xuân                                                        |
| Tuổi . . . . .         | 26                                                                    |
| Nghề-nghiệp . . . . .  | Sinh viên luật khoa                                                   |
| Nơi cư-ngụ . . . . .   | Saigon, 59/134 Huỳnh tịnh Của                                         |
| Vợ chánh hay thứ . .   | Vợ chánh                                                              |

Lập tại Saigon, ngày 26 tháng 9 năm 1969

TRÍCH-LỤC Y ĐƠN CHÁNH :

Saigon, ngày 27 tháng 9 năm 1969

TÒA HÀNH-CHÁNH  
QUẬN I  
GIÁM-KHATTRƯỞNG QUẢN  
Phó Quận Trưởng

2000000000



TRANSLATION OF A BIRTH CERTIFICATE

NAME: BICH VAN BUU HUYNH SEX: FEMALE  
(First) (Middle) (Last)

BIRTH: Place - No. 75 CAO THANG ST. - SAIGON  
(City or Town) (Province) (Country)

Date - JANUARY 21 1972  
(Month) (Date) (Year)

FATHER'S NAME: KHUONG BUU HUYNH  
(First) (Middle) (Last)

MOTHER'S NAME: XUAN THI HUYNH  
(First) (Middle) (Last)

DECLARANT'S NAME : VAN THI VO

CERTIFICATE ISSUED: Date- JANUARY 25 1972  
(Month) (Date) (Year)

Extracted from original copy on 11/29/1974 at Saigon (VIET NAM)

Place- SAIGON - VIET NAM  
(City or Town) (Province) (Country)

Magistrate- TOT VAN NGUYEN (signed and sealed)  
(First) (Middle) (Last)

CERTIFICATE FOUND: Archive or Register \_\_\_\_\_ Page \_\_\_\_\_ No 633

NOTATION OF IMPORTANCE:

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, TRI H. TRAN, hereby certify that the above is an accurate translation of the extracted birth certificate in Vietnamese and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date: March 10, 1983

Agency: Catholic Social Services, Inc.  
680 W. Peachtree Street NW  
Atlanta, Georgia 30308  
Phone: (404)881-6571

*Margaret Wilkerson*  
Notary Public, Georgia State at Large  
My Commission Expires Sept. 4, 1984

*Tri H. Tran*  
Signature of Translator

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
ĐÔ-THÀNH SAIGON

# TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: BA  
PHƯỜNG: 1

Lập ngày 25 tháng 1 năm 1972

Số hiệu: 633

|                                            |                                                                          |
|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Tên họ đứa trẻ. . . . .                    | Huỳnh Bửu Bích-Vân                                                       |
| Con trai hay con gái . .                   | Nữ                                                                       |
| Ngày sanh . . . . .                        | Hai mươi một tháng giêng năm một ngàn<br>chín trăm bảy mươi hai, 18g1030 |
| Nơi sanh . . . . .                         | Saigon, 75 Cao Thắng                                                     |
| Tên họ người cha. . .                      | Huỳnh Bửu Khương                                                         |
| Tên họ người mẹ. . .                       | Huỳnh thị Xuân                                                           |
| Vợ chánh hay không<br>có hôn-thú . . . . . | Vợ chánh                                                                 |
| Tên họ người<br>đứng khai. . . . .         | Vũ thị Vân                                                               |

MIỄN LỆ PHÍ  
ĐỂ CUNG CẤP QUẢN ĐÓNG



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH  
Saigon, ngày 29 tháng 11 năm 1974  
TL/ Viên-Chức Hộ-Tịch,  
  
NGUYỄN VĂN TÔT  
Tham Sự Hành-Chánh

TRANSLATION OF A BIRTH CERTIFICATE (COPY)

NAME: BICH QUYEN BUU HUYNH SEX: FEMALE  
(First) (Middle) (Last)

BIRTH: Place - 75A CAO THANG ST. - 3RD PRECINCT - Ho chi Minh city  
(City or Town) (Province) (Country)

Date - MARCH 31 1982  
(Month) (Date) (Year)

FATHER'S NAME: KHUONG BUU HUYNH - VIETNAMESE  
(First) (Middle) (Last)

MOTHER'S NAME: XUAN THI HUYNH - VIETNAMESE  
(First) (Middle) (Last)

CERTIFICATE ISSUED: Date- APRIL 05 1982  
(Month) (Date) (Year)

Certification : Extract from original document on 04/5/1982.

Place- Ho chi Minh city - VIET NAM  
(City or Town) (Province) (Country)

Magistrate- NGUYET THI BUI (signed and sealed)  
(First) (Middle) (Last)

CERTIFICATE FOUND: Archive or Register 01 Page        No 48

NOTATION OF IMPORTANCE:

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE

I, TRI H. TRAN, hereby certify that the above is an accurate translation of the copy of an extracted birth certificate in Vietnamese and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date: March 10, 1983

Agency: Catholic Social Services, Inc.  
680 W. Peachtree Street NW  
Atlanta, Georgia 30308  
Phone: (404)881-6571

*Margaret Walker*  
Notary Public, Georgia State at Large  
Notary Commission Expires Sept. 4, 1984

*Tri H. Tran*  
Signature of Translator

QUYỀN SỬ DỤNG BẢN  
Số, tên của Phường 13  
Tên của Quận Ba  
Thành phố, Tỉnh HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mã số 2

# BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 48  
Quyển số 01

|                                                                                              |                                                                              |                                                            |                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------|
| Họ và tên                                                                                    | HUỲNH BÙI BÍCH-QUYÊN                                                         |                                                            | Nam, nữ <u>Nữ</u> |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                      | Ba mươi một, tháng Ba, năm một ngàn chín trăm<br>tám mươi hai, lúc 17 giờ 40 |                                                            |                   |
| Nơi sinh                                                                                     | Số 75A đường Cao-Thăng, Quận 3, Thành-phố<br>Ho-chí-Minh                     |                                                            |                   |
| KHAI VỀ CHA MẸ                                                                               | CHA                                                                          | MẸ                                                         |                   |
| Họ, tên, tuổi hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh                                                  | HUỲNH BÙI KHƯƠNG<br>7-01-1935                                                | HUỲNH THỊ XUÂN<br>17-9-1943                                |                   |
| Nơi họ<br>tên họ                                                                             | Kinh<br>Việt Nam                                                             | Kinh<br>Việt Nam                                           |                   |
| Nơi nghiệp<br>thời ĐENK thường trú                                                           | Công nhân Tổ Hợp<br>59/26/134 Huỳnh-tỉnh-<br>Cua, Q3, TP/Ho-chí-Minh         | Nơi họ<br>59/26/134 Huỳnh-tỉnh-<br>Cua, Q3, TP/Ho-chí-Minh |                   |
| Họ, tên, tuổi nơi ĐENK<br>thường trú, số giấy chứng<br>mệnh hoặc CNCC của<br>người đồng khai | HUỲNH BÙI KHƯƠNG                                                             |                                                            |                   |

CHỖ THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Số 5 tháng 4 năm 1982

Số 5 tháng 4 năm 1982 ký tên đồng dấu



Đã ký ngày 5 tháng 4 năm 1982  
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Đã ký Nguyệt



NATIONAL OFFICE

USCC Reference No. 65048

## MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

ODP-IV No. 8075409  
(If known)1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005  
(202) 659-6646/6647

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (Vietnam)

## AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

Diocese of: \_\_\_\_\_

Our Name: Mr/Mrs/ Ms VIEN VAN - HUYNH

Phone (home) \_\_\_\_\_

(work) \_\_\_\_\_

Our Address: \_\_\_\_\_

Number Street

County/City State

Zip

Date of Birth: AUGUST 03 1948

Place of Birth: SAIGON VIET NAM

Date of Entry to U.S. 09-08-75

Alien Number A 22055694

Naturalization Certificate Number (If Applicable) \_\_\_\_\_

Legal Status

Parolee ☐Permanent Resident Alien ☒U.S. Citizen ☐

I am filing this Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come to the United States, under the ORDERLY DEPARTURE PROGRAM. (ODP) I include a copy of my ☐ I-94 (both sides) ☒ I-151 (Permanent Resident Alien Card)

| Name HU               | Sex | Date/Place of Birth | Relation to you | Address in Vietnam |
|-----------------------|-----|---------------------|-----------------|--------------------|
| HUYNH, THI XUAN       | F   | Sept 17, 1943 SG    | SISTER          | Nº 59/26/13H       |
| HUYNH, BUI KHUONG     | M   | Jan 07-1935 TAMBINH | BROTHER IN LAW  | HUYNH TINH CU      |
| HUYNH, BUI BICH CHAU  | F   | Sept 22-1969 SG     | NICE            | QUAN 3 THANH       |
| HUYNH, BUI BICH VAN   | F   | Jan 21-1972 SG      | NICE            | HO CHI MINH        |
| HUYNH, BUI BICH QUYEN | F   | MARCH 31-1982 SG    | NICE            | VIET NAM           |
|                       |     |                     |                 |                    |
|                       |     |                     |                 |                    |
|                       |     |                     |                 |                    |

I swear that the information in this statement is true to the best of my knowledge, and under stand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

VIEN VAN HUYNH  
Your SignatureSubscribed and sworn to before me this  
26 day of Oct, 1983.

Stamp or Seal of Notary

Linda B. Waters

Signature of Notary Public

CINDA B. WATERS

My commission expires Notary Public, Georgia State at Large  
My Commission Expires May 14, 1984

Any change of address should be reported immediately to USCC National Office and the local USCC Diocesan Resettlement Office.

USCC FORM A, 6/82



NATIONAL OFFICE

## MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20006

(202) 655-6646

655-6647

SA USCC#

Số CDP-Bangkok-IV#  
(nếu biết)

Mẫu mới - Form A

ĐƠN XIN ĐOÀN, TU GIA-ĐÌNH  
(Thân Nhân Ở Việt-Nam)

Tên Người Đứng Đơn ở Hoa Kỳ: HUYNH VAN VIEN

Địa Chỉ:

Tuổi của Người Đứng Đơn: AUGUST 23-1948 Nơi Sinh: SAIGON VIET NAM

Ngày Người Đứng Đơn tới Hoa Kỳ: Sept-08-1975

Tư dân tới: VIET NAM FORT-CHAFFEE-ARK

(Quốc gia)

(Trại Tỵ-Nạn Nao)

Số "Alien Registration" (Ghi trên Mẫu I-94 hoặc Thẻ Xanh): A-2205569H

Số Chứng-Chỉ Nhập-Tích Mỹ (Nếu có):

Quy-chế Hiện-tại của Người Đứng-Đơn:

Xin đánh dấu ☒ 1X☐ Tỵ-nạn (Chưa có quy-chế Thường-trú-nhân)☒ Thường-trú-nhân (Đã có Thẻ-Xanh)

Chú-thích: Dù đã có làm đơn Mẫu I-130, ☐ Công-dân Hoa-Kỳ  
cũng xin điền mẫu này và  
gửi tới USCC/Washington, D.C.

Tôi làm đơn này để xin cho những thân nhân ghi tên dưới đây, hiện  
còn ở tại Việt-Nam được sang Hoa Kỳ đoàn-tụ với tôi, (Tôi chấp nhận để  
tên tuổi những người dưới đây được thông báo cho các giới hữu-trách như  
Cao-Úy- Ty-Nạn Liên-Hiệp-Quốc, hoặc tất cả các cơ-quan, tổ-chức đặc  
trách chương-trình Đoàn-Tụ Gia-Đình, kể cả các giới-chức tại Việt-Nam).

XIN ĐIỀN CẢ BẢN TIẾNG ANH VÀ THI THỰC CHỦ KÝ (trên bản tiếng Anh)

| TÊN THÂN NHÂN TẠI VIỆT-NAM | Ngày và<br>Nơi Sinh     | Liên-Hệ Gia-<br>Đình với Tôi | Địa-Chỉ Rõ-Ràng và<br>Mỗi Nhất của Thân-Nhân<br>tại Việt-Nam |
|----------------------------|-------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| HUYNH, THI - XUAN          | Sept 17-1943<br>SG      | CHI RUOI                     | SS' 59/26/134                                                |
| HUYNH, BIEU - KHUONG       | Jan 07-1935<br>Tam Binh | ANH - RE                     | HUYNH ANH - CHI - CUA                                        |
| HUYNH, BIEU - BICH - CHAU  | Sept 22-1969<br>SG      | CHAU - GAI                   | QUAN 3. THANH PHO                                            |
| HUYNH, BIEU - BICH - VAN   | Jan 21 1972<br>SG       | CHAU GAI                     | HU - CHI - MINH                                              |
| HUYNH, BIEU - BICH - HUYNH | MARCH 31-1951<br>SG     | CHAU - GAI                   | VIET - NAM                                                   |

Người làm đơn ký tên: VIEN VAN HUYNH Ngày làm đơn: 10-26-83

Savannah, ngày 25 tháng 9 năm 1987

Kính gửi: Bà KHUẾ MINH THỎ

Chủ tịch Hội Gia Đình Tù Nhân Chính Trị Việt Nam  
P.O.Box 5435  
Arlington, V.A. 22205 - 0635

Đề thủ : Xin giúp đỡ Cửu Tù Nhân và Tù Nhân hiện còn ở tại  
Việt Nam sớm được đoàn tụ với gia đình tại Hoa Kỳ

Kính Chị,

Em xin viết tâm thư này với hết sức nỗi lo lắng của em và hai con em, là cháu TRIỆT và Vân, cũng với sự đau buồn chông chất gần 13 năm xa nhà, để xin chị vui lòng giúp đỡ cũng như chuyển đạt lời yêu cầu này đến quý vị thuộc Lương Viện Hoa Kỳ, vì lòng nhân đạo xin xúc tiến mạnh để giúp đỡ tất cả Cửu Tù Nhân, Tù Nhân hiện còn giam giữ và nói riêng, là gia đình của em : gồm có chồng, các anh ruột và cha mẹ già yếu, sớm được đoàn tụ và thoả được không khí tự do trên phần đất tự do Hoa Kỳ này.

Chồng của em là BUI VĂN MINH sau hơn 10 năm 6 tháng giam cầm ở các trại học tập, may mắn còn sống sót và đã được trả tự do tròn 2 năm, hiện ở tại Saigon-V.N. Nghề nghiệp không có, hiện sống không có ngày mai, nhưng vẫn HY VỌNG và HY VỌNG.....ngày đoàn tụ với em và hai con ở đây,

Kể đến, cha mẹ em HUYNH VĂN HOAI và LÂM THI HOA, tuổi già đã chông chất, sự chịu đựng và đợi chờ để HY VỌNG ngày gặp lại con và cháu... Xin Chị vui lòng giúp đỡ luôn.

Sau hết, người Anh cả của em là HUYNH VĂN VINH hiện vẫn còn bị giam cầm tù tháng 4/75 đến nay và vẫn chưa được biết ngày về. Các con của Anh ấy phải bỏ dở đang việc học vì bị gán vào tội "có Cha làm cho Ngụy".....

Người Anh rể là HUYNH BỬU KHƯỜNG cũng đã bị giam cầm trên 6 năm hiện sống với gia đình tại Saigon, tội đã bị gán chỉ vì chức vụ Thiếu Tá trong quân đội ngày xưa. Cũng như Anh PHẠM QUỐC TÚY cũng đã bị giam trong thời gian qua.....Xin Chị vui lòng giúp đỡ những gia đình này cũng sẽ được ra đi sớm.

Thưa Chị, viết làm sao cho hết trên những trang giấy này như chị cũng đã rõ. Em xin chân thành cảm ơn và cảm phục lòng hy sinh và can đảm của Chị và Hội đã dành cho các tù nhân và gia đình một tình thương bao la; làm việc ngày, đêm trong mọi hoàn cảnh khó khăn để đem lại sự đoàn tụ cho tất cả những gia đình ly tán.....Em nguyện xin Chúa trả công bội hậu cho các Chị ngày sau và xin bạn cho các Chị và các vị thăm quyền thêm sức mạnh để hoàn tất Chương Trình Nhân-Đạo và Tự Do quyền sống của loài người. Mong nhận được tin của Chị sớm.

Vo của cựu Tù Nhân Bui, Minh V.

*Bùi Thu Huỳnh*

BUI THU HUYNH

P.O.Box. 3581

Savannah, Ga. 31414

Phone:

Đính kèm các hồ sơ sau đây: (mỗi gia đình 2 bản).

- 1- BUI VĂN MINH
- 2- HUYNH VĂN HOÀI và LÂM THI HOA
- 3- HUYNH VĂN VINH (Hiện giam)
- 4- HUYNH THI XUÂN và HUYNH BỬU KHƯƠNG
- 5- HUYNH THI MAI và PHAM QUỐC TÚY
- 6- Một số thủ giới thiệu và tài liệu riêng của gia đình để tùy Hội tiện quyết.



Xin chú giúp và  
cam thiệp để có  
mẫu LOT. Bên nhà  
rất cần mẫu này  
Cám ơn chú.

ODP. Prog IV. 75409.

HUYNH BỬU KHUÔNG DOB. 1-7-35  
(Còn Tư Nhân)

HUYNH THỊ XUÂN DOB. 9-17-43

Các con:

HUYNH BỬU BÍCH CHÂU DOB. 9-22-69

HUYNH BỬU BÍCH VÂN DOB. 1-21-72

HUYNH BỬU BÍCH QUYÊN DOB. 3-31-82

Sponsor:

HUYNH VĂN VIÊN

HUỲNH THỊ XUÂN

IV 7 5409

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA  
BANGKOK, THAILAND

APR 26, 1988

TO WHOM IT MAY CONCERN:

|                      |      |           |                    |
|----------------------|------|-----------|--------------------|
| HUYNH THI XUAN       | BORN | 17 SEP 43 | (IV 75409)         |
| HUYNH BUU KHUONG     | BORN | 7 JAN 35  | HUSBAND            |
| HUYNH BUU BICH CHAU  | BORN | 22 SEP 69 | UNMARRIED DAUGHTER |
| HUYNH BUU BICH VAN   | BORN | 21 JAN 72 | UNMARRIED DAUGHTER |
| HUYNH BUU BICH QUYEN | BORN | 31 MAR 82 | UNMARRIED DAUGHTER |

ADDRESS IN VIETNAM: 59/26/134 HUYNH TINH CUA  
Q 03

VENL#: 43701 T/P HO CHI MINH

SU QUAN HOA KY CHO PHEP NHUNG NGUOI CO TEN TRÊN DÂY DÌ  
BANGKOK, THAI-LAN, ĐỂ NƠI ĐÓN TẠI SU QUAN MỸ ĐỂ SANG HOA KY,  
VỚI ĐIỀU KIỆN HỌ ĐƯỢC KHÁM SỨC KHỎE TẠI VIỆT NAM, VÀ ĐƯỢC  
PHÒNG VẠN QUÁ DÀI DIỄN CỦA CHƯƠNG TRÌNH RA ĐI CÓ TRẬT TỰ CỦA  
HOA KY. CHÚNG TÔI YÊU CẦU GIỚI THAM QUYỀN CẤP CHO HỌ GIẤY  
XUẤT CẢNH CÙNG NHỮNG GIẤY TỜ CẦN THIẾT ĐỂ RỜI VIỆT NAM./  
THE AMERICAN EMBASSY GIVES PERMISSION FOR THE ABOVE PERSONS  
TO COME TO BANGKOK, THAILAND TO MAKE APPLICATION AT THIS  
EMBASSY TO GO TO THE UNITED STATES, PROVIDED THAT THEY HAVE  
A MEDICAL EXAMINATION IN VIETNAM AND AN INTERVIEW BY A REPRESENTATIVE OF THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM.  
WE REQUEST THE AUTHORITIES TO ISSUE EXIT PERMITS AND THE  
NECESSARY DOCUMENTS TO LEAVE VIETNAM.

NHUNG NGUOI KE TREN DA DUOC UNHCR DE NGHI TOI THAM QUYEN  
VIET NAM THEO DANH SACH CHIEU KHAN NHAP CANH HOA KY./  
THE NAMES ABOVE HAVE BEEN SUBMITTED TO THE VIETNAMESE AUTHOR-  
ITIES BY THE UNHCR ON THE AMERICAN VISA ENTRY WORKING LIST.

SINCERELY,

BRUCE J. SEARSLÉY  
DIRECTOR  
ORDERLY DEPARTURE OFFICE

ODP-I  
11/87

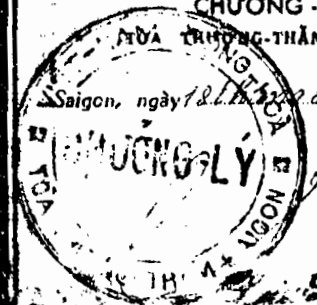
0019373



Kiến thị và chứng thật :

CHUÔNG - LÝ

TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON



Saigon, ngày 18 tháng 8 năm 1971

Dinh Hiệp

LUẬT-SƯ ĐOÀN

TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN

Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :

Ông *Nguyễn Văn Khương*

sinh ngày *7.6.1935*

tại *Mỹ Tho*

đã được ghi lên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư

*Chiết Chơ*

Saigon, ngày 16 tháng 8 năm 1971

*(Signature)*

NGUYỄN-NGỌC-VIỆT

00037809942

RELEASE FROM REEDUCATION CAMP ORDER

Reference ordinance number 966-BCA/TT date 31/5/1961 of the Ministry of Home Affairs,

Execution sentence, released order number 58 date 9/12/1980 of the Ministry of Home Affairs.

Released certificate is now allowed to individual named as follows:

Name and family name: HUYNH - BUU - KHUONG

Date of birth: 1935

Place of birth: Tam binh, Cai Lay, My Tho, Phu Tuc, Ben tre.

Place of register family certificate prior to sentence: 59/26/134, Huynh tinh-Cua, quan 3, Ho-chi-Minh City.

Guilty of: Major, Expert to the Coordination and Implementation of the Paris Agreement's Center.

Captured on: 14-6-1975

Sentenced: Assembly reeducation

Reference decision, sentence number date of

Presently resides at: 59/26/134, Huynh-tinh-Cua, Q3, Ho-chi-Minh City.

-Judgement of past reeducation:

- Intellectual: Accept the reeducation policy of the Party and the Government, there is no bad manifestation.
- Labor: conscientious, commonly participation in all assigned labor works.
- Reeducation: Pay attention and has quick understanding.
- Internal regulation: had not yet a great fault.

Digital print of  
the right fore-  
finger of: Khuong  
Case number: 6608  
Made by: Military Justice  
(digital print)

Name, family name  
and signature of  
individual be allowed  
the certificate:  
signed  
Huynh-Buu-Khuong

Date, January 5, 1981  
Vice SUPERVISOR

Major Nguyen-van-Tu  
(signed and sealed)

BỘ NỘI VỤ  
TRẠI CẢI TẠO SỐ 3  
Số: 186/GRT

CỘNG-HÒA XÃ-HỘI CHỦ-NGHĨA VIỆT-NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

00037809942

G I Á Y R A T R Ạ I

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội Vụ  
Thi hành án văn, quyết định tha số 58 ngày 9/12/1980 của Bộ Nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây :

Họ và tên khai sinh : HUỖNH - BỬU - KHƯƠNG

Sinh năm : 1935

Nơi sinh: Tam Bình, Cai lậy, Mỹtho, Phú túc, Bôn tre.

Nơi ĐKNKTT trước khi bắt: 59/26/134, Huỳnh tĩnh Cửa, Quận 3 TP HCM  
Can Tội & Thiếu tá, Chuyển viên Trung Tâm Phôi Hợp Thi Hành Hiệp Định  
Pari.

Bị bắt ngày: 14/6/1975

Án phạt: TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm 19 của

Nay về cư trú tại : 59/26/134, Huỳnh-tĩnh-Cửa, Q3 , TP HCM.

- Nhận xét thái độ cải tạo :

- Tư tưởng: Chịu sự giáo dục của Đảng và Nhà nước, chưa có gì biểu hiện xấu.
- Lao động: có ý thức, tham gia đều, đảm bảo ngày công
- Học tập : chú ý lắng nghe, tiếp thu nhanh
- Nội qui: chưa có gì sai phạm lớn.

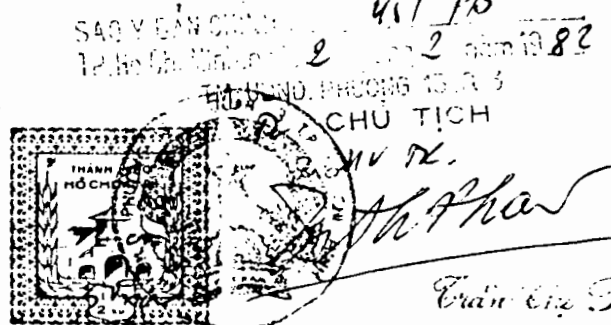
Lấn tay ngón trỏ phải  
của: Khương  
Danh bả số : 6608  
Lập tại: Quân pháp  
(dấu tay)

Họ tên chữ ký  
người được cấp giấy

Huỳnh-Bửu-Khương  
(chữ ký)

Ngày 5 tháng 1 năm 1981  
P.Giám thị,

Ký tên: Thiếu tá Nguyễn-  
văn-Tứ  
(con dấu)



## APPLICATION FOR CLASSIFICATION AS REFUGEES

IV 075409  
ODP.

To : Mr DIRECTOR OF THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE  
BANJABHUM BUILDING  
127 SATHORN TAI ROAD  
BANGKOK 10120, THAILAND.

Subject: Request for immigration to the United States of America under  
the Orderly Departure Program.

Reference: ODP IV No 075-409 Date : 05/01/1984

Dear Sir,

- 1- I, the undersigned HUYNH - BUU - KHUONG 2- Regimental number: \_\_\_\_\_  
3-Date and country of birth: January 7th, 1935, Tam-Binh village, Mytho prov  
ce, South Vietnam.  
4-Nationality: Vietnam 5-Religion: Cult of ancestors  
6-Sex: Male ☒ Female ☐ 7- Family status: Married  
8-Home address: 59/26/134, Huynh-tinh-Cua, Quận 3, Thành phố Hồ-chí-Minh, Việt  
9-Military education: Inter-military school in Thu-duc  
10- Job title/Grade: Expert to the Coordination and Implementation of the Paris  
Agreement's Center. Major(RVNAF).(Serial number:55/104505)  
11-Armed forces Branch of service: Administration Officer of the Military  
Medical(sĩ-quan hành-chánh quân-y), Officer of the military  
Property Office(sĩ-quan Quân-sản)  
12-Unit: The Coordination and Implementation of the Paris Agreement's Center  
13-Place worked: Presidency of the Republic of Việt-Nam(Independence Palace) in  
Saigon.  
14-Civilian education: French Baccalaureate, graduated from the law school of  
Saigon University, Lawyer to the Saigon's Court.  
15-Civilian occupation: None  
16-Travel/Education outside Vietnam: No  
17- US closest relative: VIEN VAN HUYNH,  
18-US Acquaintance: KIM GIANG, LUONG, 2544SW  
19-After April 30,1975, spent in reeducation Five/years Six/months  
Released from reeducation Camp No 3 in Nghệ-Tĩnh on  
January 5th,1981.  
20-Reference:Release Decision No 58 on December 9th, 1980 of the Ministry of  
Home Affairs.

Due to the difficulty of my situation, and based on the authority of  
your organization and the spirit of the humanitarian act, I wish to request  
your assistance and your intervention with the Government of the Socialist  
Republic of Vietnam, in order that I and all my family's members may be autho-  
rized to leave Vietnam under your arrangement and protection through the ODP  
and to immigrate to the United States of America for the purpose of seeking  
new life.

Following is our full list:

| FULL NAME              | : Sex    | : Year of birth | : Married? | : Relationship | : Address                                                         |
|------------------------|----------|-----------------|------------|----------------|-------------------------------------------------------------------|
| 1.-HUYNH-BUU-KHUONG    | : Male   | : 1935          | : Yes      | : Applicant    | : 59/26/134, Hu<br>: tinh-Cua, Qu<br>: TP Hồ chí Mi<br>: Vietnam. |
| 2- HUYNH-THI-XUAN      | : Female | : 1943          | : Yes      | : Spouse       | : Ditto                                                           |
| 3- HUYNH BUU BICH-CHAU | : Female | : 1969          | : No       | : Daughter     | : Ditto                                                           |
| 4-HUYNH BUU BICH-VAN   | : Female | : 1972          | : No       | : Daughter     | : Ditto                                                           |
| 5-HUYNH BUU BICH-QUYEN | : Female | : 1982          | : No       | : Daughter     | : Ditto                                                           |

We would be deeply grateful to you for hearing from you soon.

Respectfully and Thankfully Yours,

Hồ-chí-Minh City: November 24th, 1986

*Chum*

Enclosures :

- 5 photocopies of birth certificate for 5 persons above
- 1 photocopy of marriage certificate
- 1 photocopy of release certificate
- 10 photos for 5 persons listed above
- 1 photocopy of lawyer's card
- 1 photocopy of the military service certificate of 1973 (I became major since December 1st, 1973)



Người bảo lãnh:  
MR. HUYNH VAN VIEN (Địa chỉ mới)

Hội: USCE.

.

.

Savannah, ngày 3 thg' 9/91.

Chị Thu Hương,

Lâu rồi, xin chị hỏi lời cho tui em,  
tui em không biết thư liên lạc với  
chị từ dịp buổi cơm Hội Ngộ đầu  
tiên năm ngoái cho đến hôm nay.  
May, em liên thư này trước thăm chị  
và gia đình được nhiều hạnh phúc.  
Em cũng được báo là Hội của chị  
trên đó sẽ giải tán vào đầu năm  
tới 1992. Có lẽ Anh Thảo cũng đã  
được đoàn tụ với chị và các cháu  
rồi. Em ở đây như người mù. Nếu  
Anh Thảo đã sang rồi, chị cho vô chụp  
em hỏi hỏi thăm và mong Anh được  
nhiều sức khỏe. Nếu có dịp đi sẽ  
miền Nam này, xin gọi cho em 1  
tiếng, em sẽ đón rước Anh chị  
và gia đình. Chị Thảo, trở lại, em  
cũng xin hỏi thăm chị, Em nhớ  
lần đầu tiên em liên lạc với chị  
hơn 10 năm (?) chị <sup>nhớ</sup> cho em nghe là  
bao giờ người từ <sup>cuối cùng</sup> trong danh sách

của chị yên cần, được đoàn tụ với  
thân nhân thì chị đã hoàn tất  
~~việc~~ việc làm ... nay được liệt,  
Hội đã thiếp báo giải tán .... em vô  
cũng bưng hoẵng và xúc động. Vì  
em không bao giờ quên ở chị và  
Hội từ trước đến nay ... cho đến ngày  
nay. Công việc chị làm thật xứng  
đáng hơn người đã xây vào kiếp  
chưa .... Đối với vợ chồng em, lúc  
nào chị cũng là một người chị  
mà từ em hãy thân phụ. ~~ai~~  
Sao chị lại bỏ từ em, có gì trở  
ngại cho Hội trên đó không chị. Em  
vì quá bận ở trong việc kinh tế  
gia đình kể từ ngày nhà em qua.  
Chúng chúng tôi hành phước gia đình  
của từ em rất tốt. Tuy nhiên, với  
em, có lẽ Anh ấy cần phải có thêm  
một thời gian nữa mới hội nhập được  
nếp sống của người 15 năm ở  
đất này .... em nói vậy chị hiểu -  
Nhưng tương đối từ em không gặp  
những trở ngại như trước gia đình  
khác. Điều này cần ở chị!!

Mùa em từ ngày sáng đây, phải cần  
đầu vào việc làm để giúp em sau  
15 năm, em cũng qua một nỗi và  
các con của tôi em cũng hy sinh  
nhiều... nên phải đến bù cho tôi  
nó với khổ nặng... Anh ấy phải  
đi làm từ 6 giờ sáng đến 7,8 giờ tối  
mới về. Nên cũng cực nhọc lắm. Khi  
8h 10' 1/2 từ thì cũng chẳng  
bằng nắm tay... Chỉ có khi có  
thi giờ nhiều cho gia đình thế thôi.

À, cũng hôm nay, em xin hỏi  
thêm chú một việc. Biết Hời đã  
chấm dứt... nhủ em còn 1 người  
Anh ruột (từ 12' 1/2). Đã về, đã  
có xuất cảnh và H020. Và lúc  
chị ruột, có chụp, từ 6' 1/2. Hà diện

H022 cũng đã có xuất cảnh.  
Xin chú giúp cho em là bây giờ  
phải chuyển hồ sơ đi đâu để  
đem lên danh sách phụng vấn. Em  
vừa được thủ hôm nay bên VM cho  
liệt kê danh sách phụng vấn chú  
tới H012, 13. Thế mà có nhủ up  
H021 đã được dời lên phụng vấn

đắt liết ... Vậy chị vui lòng giúp em  
một lần nữa, xin giúp cho tên Anh  
và chị em được vào danh sách  
phương văn sớm. Em đã đợi cho  
chị HS 83 từ hơn 2 năm trước.  
Khiết chị còn đó không? Khi  
em cùng sẽ kèm theo hôm nay  
đi nhớ chị giúp cho em lần này  
nữa. Em sẽ gửi kèm chị 20<sup>00</sup>  
tiền tem thư đi nhớ chị giúp  
em. Xin chị cho em rõ và mong  
tin của chị rất nhiều .....

Chúc chị và gia đình được nhiều  
sức khỏe.

Em của chị  
Thư Huỳnh Bửu  
Uhu

TB. Mong thư chị.  
Đính kèm bì thư xin chị  
biên cho em vào chị.

Hoi Tu Muan.  
Chi Th3.



To: THU HUYNH BUI.  
P.O. Box 13416  
Savannah, Ga 31416.

Thu H. Bui.  
P.O. Box 13416  
Savannah, Ga 31416.

Fold at line over top of envelope to the right  
of the return address

CERTIFIED

F 938 753 111

MAIL

To: Mrs. Khue Minh Tho  
Political Prisoners Asso



PHIẾU KIỂM SOÁT

- Họ và tên: *Huỳnh Hữu*

☒ Card *Khởi*

☒ Thẻ, bỏ túi, cam ẩu

☒ Giấy ra trại

☐ Cấp bằng, huy chương

☐ Hồ sơ đầy đủ (Thẻ đủ hồ sơ)

☐ Computer

- Các thủ khác :

☐ Mẫu D

☐ ODP list

☐ Labels

☐ Folder

☐ Hồ sơ cần xerox

☐ Hồ sơ đã chuyển ODP

ngày \_\_\_\_\_



503  
card  
tho  
8/24/83

HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI VIET-NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION  
5555 Columbia Pike, Suite D, Arlington, VA 22204  
\*\*\*\*\*

As Of: \_\_\_\_\_

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

Order: Prisoner's name, : Former :Currently: Former :Date of Application :Name, address, and Tel. number  
No. : date of birth and address:rank/position:detained :Prisoner :for Orderly Departure: of Relative in the U.S.  
: : :in prison:in Vietnam:(IV number, if any) :  
: : : Yes :No: Yes : No :  
: : : : How long : :

|                                     |                                                                               |    |                                                   |                                                                     |                                                          |
|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| HUYNH-BUU-KHUONG                    | Major/Lawyer<br>Coordinator<br>of the Paris<br>Agreement's<br>Center.<br>1971 | No | Yes<br>From:<br>June-14-75<br>through<br>Jan-5-81 | ODP IV 075409<br>U.S C.C. Volag.<br>Re- No 65048<br>Date: Nov-7-83. | HUYNH VAN VIEN<br>211 Paradise Dr -<br>Savannah Ga 31406 |
| <div>RECEIVED<br/>AUG 22 1985</div> |                                                                               |    |                                                   |                                                                     |                                                          |
|                                     |                                                                               |    |                                                   |                                                                     |                                                          |
|                                     |                                                                               |    |                                                   |                                                                     |                                                          |

**INTAKE FORM**  
**MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH**

**APPLICANT FOR ORDERLY DEPARTURE PROGRAM:**

NAME (TÊN) : HUYNH BUI KHLONG  
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : JAN- 07 - 35 . Tam Binh, My Tho. VIETNAM.  
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)  
SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Male Female (Nữ) :  
MARITAL STATUS : Single (Độc thân): Married (có lập gia đình): xx  
(Tình trạng gia đình)  
ADDRESS IN VIETNAM : 59/26/134 Huynh tinh Cua. Quan 3. HO CHI MINH City, V.N  
(Địa chỉ tại VN)  
POLITICAL PRISONER (Có là Tư binh tại VN hay không): Yes (Có) Yes No (Không):  
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : June-14-75 To (Đến) Jan-5-81  
PLACE OF RE-EDUCATION: Vinh Phu, North VIETNAM.  
CAMP (TRẠI TÙ )  
PROFESSION (Nghề Nghiệp): None  
EDUCATION IN U.S. :  
(DU HỌC TẠI MỸ)  
VN ARMY (Quân đội VN): Rank (Cấp Bậc): Major/Lawyer Coordinator of the Paris Agreement's  
Center.  
VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ): Lawyer Date (Năm): 71  
(Trong chính phủ VN)  
APPLICATION FOR O.D.P.: Yes (Có): Yes IV Number (số hồ sơ): 075409 No (Không):  
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo): 4 (Wife and 3 children)  
MAILING ADDRESS IN VN: 59/26/134 Huynh tinh Cua. Quan 3. HO CHI MINH City, V.N.  
(Địa chỉ liên lạc tại VN)  
NAME ADDRESS OF : Mr. HUYNH VAN VIEN  
SPONSOR/RELATIVE  
(Tên, Địa chỉ Thân nhân :  
hay Người Bảo Trò)  
U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ): Yes No (Không):  
RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN): Brother in law.  
NAME AND SIGNATURE : DIEN VAN HUYNH  
ADDRESS OF INFORMANT  
(Tên, Địa Chỉ, Chữ Ký, ĐT Mr. Huynh van Vien.  
của người điền đơn này)  
DATE : Aug - 19 - 85 Phone:  
Month (Thang) Day (ngày) Year (năm)

00037809942

RELEASE FROM REEDUCATION CAMP ORDER

Reference ordinance number 966-BCA/TT date 31/5/1961 of the Ministry of Home Affairs,

Execution sentence, released order number 58 date 9/12/1980 of the Ministry of Home Affairs.

Released certificate is now allowed to individual named as follows:

Name and family name: HUYNH - BUU - KHUONG

Date of birth : 1935

Place of birth: Tam bình, Cai Lậy, Mỹ Tho, Phú túc, Bến tre.

Place of register family certificate prior to sentence: 59/26/134, Huỳnh tỉnh-Cửa, quận 3, Hồ-chí-Minh City.

Guilty of : Major, Expert to the Coordination and Implementation of the Paris Agreement's Center.

Captured on: 14-6-1975

Sentenced: Assembly reeducation

Reference decision, sentence number date of

Presently resides at: 59/26/134? Huỳnh-tỉnh-Cửa, Q3, Hồ-chí-Minh City.

-Judgement of past reeducation :

- Intellectual: Accept the reeducation policy of the Party and the Government, there is no bad manifestation.
- Labor: conscientious, commonly participation in all assigned labor work-ships.
- Reeducation : Pay attention and has quick understanding.
- Internal regulation: had not yet a great fault.

Digital print of  
the right fore-  
finger of: Khương  
Case number: 6608  
Made by: Military Justice  
(digital print)

Name, family name  
and signature of  
individual be allowed  
the certificate:  
signed  
Huỳnh-Buu-Khuong

Date, January 5, 1981  
Vice SUPERVISOR

Major Nguyễn-văn-Tú  
(signed and sealed)

BỘ NỘI VỤ  
TRẠI CẢI TẠO SỐ 3  
Số: 186/GTT  
-----

CỘNG-HÒA XÃ-HỘI CHỦ-NGHĨA VIỆT-NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

00037809942

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội Vụ  
Thi hành án văn, quyết định tha số 58 ngày 9/12/1980 của Bộ Nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây :

Họ và tên khai sinh : HUỖNH - BỬU - KHƯƠNG

Sinh năm : 1935

Nơi sinh: Tam Bình, Cai Lậy, Mỹ Tho, Phú túc, Bến tre.

Nơi ĐKNKTT trước khi bắt: 59/26/134, Huỳnh tịnh Cửa, Quận 3 TP HCM  
Can Tội : Thiếu tá, Chuyên viên Trung Tâm Phôi Hợp Thi Hành Hiệp Định  
Pari.

Bị bắt ngày: 14/6/1975

Án phạt: TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm 19 của

Nay về cư trú tại : 59/26/134, Huỳnh-tịnh-Cửa, Q3 , TP HCM.

- Nhận xét thái độ cải tạo :

- Tư tưởng: Chịu sự giáo dục của Đảng và Nhà nước, chưa có gì biểu hiện xấu.
- Lao động: có ý thức, tham gia đều, đảm bảo ngày công
- Học tập : chú ý lắng nghe, tiếp thu nhanh
- Nội qui: chưa có gì sai phạm lớn.

Lân tay ngón trỏ phải  
của: Khương  
Danh bả số : 6608  
Lập tại: Quân pháp  
(dấu tay)

Họ tên chữ ký  
người được cấp giấy

Huỳnh-Bửu-Khương  
(chữ ký)

Ngày 5 tháng 1 năm 1981

P.Giám thị,

Ký tên: Thiếu tá Nguyễn-  
văn-Tử  
(con dấu)



Hồ-chí-Minh City, July 5, 1982

REQUEST FOR IMMIGRATION TO U.S.A. OF FORMER OFFICER

To : Mr DIRECTOR OF THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE  
131, Soi Tien Road ( Sathorn Road )  
Bangkok 12 - THAILAND

Dear Sir:

I undersigned HUYNH - BUU - KHUONG

Date and place of birth: January 7, 1935, Tam Binh, Mythe, South  
Việt-Nam.

Residing presently: 59/26/134, Huynh-tinh-Cua, Q3, Hồ-chí-Minh City,  
Việt-Nam.

Rank: Major

Profession: Lawyer, Expert to the Coordination and Implementation  
of the Paris Agreement's Center. (Presidence of the Re-  
public of Việt-Nam).

Serial number: 55/104.505

I have the honour to expose my situation as follow: After  
April 30, 1975, I was concentrated for political reeducation and I  
was released on January 5, 1981. It has come to my attention that  
the U.S. Government is planning a project of orderly departure  
program (ODP) which is protection for whom intend to immigrate to  
the U.S.A., specially for former officers.

With this present request, I call for your generous and  
humanitarian acts, please allow us one agreement for immigration  
visa to the U.S.A. under your protection. My only hope and enthusias-  
tic is permitted to leave Việt-Nam as soon as possible due to my  
difficult life here in Việt-Nam.

I beg you to remind my situation and inform me any infor-  
mations please. I understand that making a false statement will be  
jeopardized my request.

Respectfully Yours,

*Khuong*  
HUYNH-BUU-KHUONG

Following are my blood relatives to be immigrated to the U.S.A. :

| : No : | Full name            | : Date and place<br>: of birth                      | : Relation-<br>: ship | : Address in Việt-Nam                                       |
|--------|----------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------|
| : 1 :  | HUYNH-THỊ-XUAN       | : September 17, 1943<br>: Saigon, Việt-Nam.         | : Wife                | : 59/26/134, Huynh-tinh-Cua,<br>: Q3, Hồ-chí-Minh City, VN. |
| : 2 :  | HUYNH-BUU BÍCH-CHAU  | : September 22, 1969,<br>: Saigon, Việt Nam.        | : Daughter            | : 59/26/134, Huynh-tinh-Cua,<br>: Q3, Hồ-chí-Minh City, VN. |
| : 3 :  | HUYNH-BUU BÍCH-VAN   | : January 21, 1972,<br>: Saigon, Việt Nam.          | : Daughter            | : 59/26/134, Huynh-tinh-Cua,<br>: Q3, Hồ-chí-Minh City, VN. |
| : 4 :  | HUYNH-BUU BÍCH-QUYEN | : March 31, 1982, Hồ-chí<br>: Minh City, Việt-Nam.: | : Daughter            | : 59/26/134, Huynh-tinh-Cua,<br>: Q3, Hồ-chí-Minh City, VN. |

A released certificate and translation joint.

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

NAME: HUYNH THI XUAN

Other names used:

Sex: F DOB: (emodyy) (9/17/43) COE: VN  
Address in Vietnam:

59/26/134 HUYNH TINH CUA, C.3,  
T.P. HO CHI MINH, VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

NAME: PUYNE VAN VIER

1 000 (mndcy) / / 000

1 Across 1

1 Telephone (Home): (Business): / /

Category: REF PRA USC

[illegible]

**PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM**

Symbol: PS1      Priority Date: 12/21/83      Self-Sponsor to PA: 88

VERM H: SAV H: JWL:

USG Empl/Training (Cat 2): 4

|                                  |  |  |  |  |  |
|----------------------------------|--|--|--|--|--|
| Pvt US Enpl/Training (Cat 3-ABC) |  |  |  |  |  |
|----------------------------------|--|--|--|--|--|

GVA/RVNAF SVC: ----- US Combat A/D: ----- Sgtd Cmt: --/--/-- to --/--/--

CAT 1 PKT: --/--/--, FLIP: --/--/-- OTHER: -----

PAGE 2/3 PKT: --/--/-- PLP: --/--/-- OTHER: -----

Reglist by:----- : --/--/-- LOI Sent: --/--/-- NOTIFIED OF EXIT PERMIT --/--/-- PERMIT # :----- FEEDBACK LIST --/--/--

Other Actions: ----- Medical Prog: -----

VOLAC NAME:-----

VOL 46 ASSUP: Sought --/--/-- RECD: --/--/-- V P: --/--/-- MAN: --/--/--

**Possible cups:**